

**LỜI MỞ ĐẦU**

Mỗi doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển thì trong quá trình hoạt động kinh doanh của mình luôn phải tạo được doanh thu và đảm bảo tạo được lợi nhuận từ khoản doanh thu đó. Doanh thu có thể được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau do đó quy trình hạch toán cũng được phân chia ra thành rất nhiều loại, mỗi nguồn doanh thu lại có một quy trình hạch toán khác nhau. Chính vì vậy, từng doanh nghiệp phải làm tốt công tác quản lý, công tác tổ chức kế toán, đặc biệt là công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, đây là công cụ giúp cho doanh nghiệp tồn tại và phát triển vững mạnh.

Qua quá trình thực tập tại công ty cổ phần thép Miền Bắc, được sự giúp đỡ và chỉ bảo của giáo viên hướng dẫn thạc sỹ Trần Thị Thanh Thảo, ban lãnh đạo và phòng kế toán công ty, em đã có cơ hội tìm hiểu thực tế công tác tổ chức kế toán tại công ty và đi sâu vào nghiên cứu đề tài: “Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thép Miền Bắc”.

Sau khi kết thúc thời gian thực tập, em đã hoàn thành Báo cáo thực tập tốt nghiệp gồm các phần sau:

**Chương 1:** Cơ sở lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.

**Chương 2:** Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thép Miền Bắc.

**Chương 3:** Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thép Miền Bắc.

Do thời gian thực tập là có hạn nên khóa luận tốt nghiệp của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của thầy cô và các bạn để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn.

Hải phòng, ngày 12 tháng 05 năm 2010.

Sinh viên

Phạm Thị Ánh Ngọc

**CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH  
NGHIỆP THƯƠNG MẠI.**

**1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.**

**1.1.1. Vai trò, ý nghĩa, yêu cầu và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

**1.1.1.1 Vai trò, ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân và trong doanh nghiệp nói riêng.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh quản lý được tổng doanh thu, tổng chi phí từ đó xác định được kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

Doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp. Quản lý tốt chi phí, tăng doanh thu, từ đó thu được kết quả kinh doanh chính xác giúp doanh nghiệp có những thông số tài chính nhằm hiểu rõ hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Mục đích cuối cùng trong kinh doanh đối với bất kỳ doanh nghiệp nào là tối đa hóa lợi nhuận và phát triển bền vững. Tuy nhiên trước khi tạo được lợi nhuận thì doanh nghiệp phải đầu tư và tốn rất nhiều chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh. Một doanh nghiệp phát triển bền vững là nhân tố quan trọng thúc đẩy nền kinh tế quốc dân phát triển. Chính vì vậy tiết kiệm được càng nhiều chi phí, tăng doanh thu, lợi nhuận của doanh nghiệp sẽ càng tăng lên và chủ sở hữu sẽ tiến dần đến mục tiêu của mình. Vì vậy, nắm vững được công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ biết được tổng chi phí sẽ đặt được giá bán sao cho có lợi nhuận, kiểm soát và giảm các chi phí, đưa ra các chiến lược kinh doanh có hiệu quả nhằm tăng doanh thu, đồng thời đưa ra các quyết định đúng đắn trong kinh doanh, lập kế hoạch kinh doanh cho tương lai, góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

### **1.1.1.2. Yêu cầu của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

- Phản ánh đầy đủ nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh vào những chứng từ kế toán, sổ kế toán và báo cáo tài chính.
- Phản ánh kịp thời, đúng thời gian quy định thông tin, số liệu kế toán.
- Phản ánh rõ ràng, dễ hiểu và chính xác thông tin, số liệu kế toán.
- Phản ánh trung thực hiện trạng, bản chất vụ việc, nội dung và giá trị của nghiệp vụ kinh tế tài chính.
- Thông tin, số liệu kế toán phải được phản ánh liên tục từ khi phát sinh đến khi kết thúc hoạt động kinh tế, tài chính từ khi thành lập đến khi chấm dứt hoạt động của đơn vị kế toán, số liệu kế toán phản ánh kỳ này phải kế tiếp theo số liệu kế toán của kỳ trước, từ đó sắp xếp, phân loại thông tin, số liệu theo trình tự, có hệ thống và có thể so sánh được.

### **1.1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

Để làm tốt công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, kế toán cần nắm vững các nhiệm vụ sau đây:

- Ghi chép, phản ánh, theo dõi kịp thời, chính xác công tác mua hàng, bán hàng về mặt số lượng, kết cấu, chủng loại, quy cách, kiểu cỡ, giá cả của các loại hàng mua, hàng bán và thời điểm mua hàng, bán hàng theo từng phương thức mua hàng, bán hàng.
- Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch mua hàng, bán hàng theo từng nguồn hàng, từng hợp đồng, từng đơn đặt hàng, từng khách hàng, từng loại hàng, tình hình thanh toán tiền hàng.
- Xác định kịp thời, chính xác giá thực tế của hàng đã mua, tính chính xác tổng trị giá thanh toán của hàng bán ra bao gồm doanh thu bán hàng, thuế GTGT đầu ra của từng mặt hàng, nhóm hàng, hóa đơn, khách hàng và từng đơn vị trực thuộc, xác định cụ thể giá mua thực tế của lượng hàng đã tiêu thụ ( giá vốn của hàng bán ra) và phân bổ chi phí thu mua cho từng hàng đã tiêu thụ.
- Quản lý thu hồi tiền hàng, khách nợ, theo dõi chi tiết từng khách hàng, lô hàng, số tiền, thời hạn thanh toán và tình hình thanh toán.

- Tập hợp đầy đủ, chính xác chi phí bán hàng thực tế phát sinh, phân bổ hợp lý, kết chuyển đúng quy định các chi phí bán hàng cho hàng đã tiêu thụ.

- Tham mưu các giải pháp để thúc đẩy bán hàng, thu tiền hàng, tăng nhanh vòng quay vốn, cung cấp cho lãnh đạo nhanh chóng, thường xuyên, nhạy bén các thông tin mua hàng, thanh toán tiền hàng, giá cả, lượng hàng tồn kho để lãnh đạo nghiên cứu, có căn cứ cho những quyết định chỉ đạo điều hành hoạt động mua bán và kinh doanh của doanh nghiệp.

- Cung cấp các thông tin mua, bán hàng cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

### **1.1.2. Khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:**

Trước đây trong cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch hóa tập trung, tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở các doanh nghiệp hầu như được Nhà nước “lo” cho toàn bộ. Nếu kinh doanh có lãi thì doanh nghiệp được hưởng, còn thua lỗ thì nhà nước chịu. Vì vậy công tác này thường bị các doanh nghiệp xem nhẹ. Khi chuyển sang cơ chế thị trường, các doanh nghiệp phải tự lo chủ động trong sản xuất kinh doanh. Không còn sự bao cấp của Nhà nước thì việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trở nên vô cùng quan trọng. Các doanh nghiệp phải tổ chức tốt được công tác này mới có thể đưa ra được các biện pháp để tăng doanh thu, giảm chi phí và tối đa hóa lợi nhuận.

#### **1.1.2.1. Doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.**

##### **a. Khái niệm doanh thu:**

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu phát sinh từ giao dịch, sự kiện được xác định bởi thỏa thuận giữa doanh nghiệp với bên mua hoặc bên sử dụng tài sản. Doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và giá trị gia tăng hàng bán bị trả lại.

### **b.Doanh thu bao gồm:**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Doanh thu hoạt động tài chính: là giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được từ hoạt động tài chính của doanh nghiệp.
- Các khoản giảm trừ doanh thu: là số tiền giảm trừ cho người mua hàng được tính vào doanh thu hoạt động kinh doanh.

### **c.Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:**

- + Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.
- + Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do hàng bán kém phẩm chất, sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế hoặc lạc hậu thị hiếu.
- + Giá trị hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán xác định là đã bán bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

Ngoài ra các khoản giảm trừ doanh thu còn bao gồm:

- + Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế đánh vào hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.
- + Thuế xuất khẩu: là sắc thuế đánh vào trị giá hàng hóa giữa các quốc gia.
- + Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất tới tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

### **1.1.2.2.Các khoản chi phí:**

Chi phí là số tiền phải trả để thực hiện các hoạt động kinh tế như sản xuất, giao dịch...nhằm mua được các hàng hóa, dịch vụ cần thiết cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chi phí trong doanh nghiệp bao gồm:

- Giá vốn hàng bán
- Chi phí tài chính
- Chi phí bán hàng

- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí khác
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

### **a. Giá vốn hàng bán:**

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ đã được tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ, giá vốn hàng bán là giá thành sản xuất thực tế hay chi phí sản xuất thực tế. Với vật tư, hàng hóa, giá vốn hàng bán là thực tế giá gốc ghi sổ.

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong các khoản chi phí của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp thương mại, giá vốn hàng bán là giá mua hàng hóa cộng chi phí thu mua hàng hóa.

### **b. Chi phí hoạt động tài chính:**

là toàn bộ các khoản chi phí và khoản lỗ liên quan đến hoạt động tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết chuyên nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

**c. Chi phí bán hàng:** là toàn bộ chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ, bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng: gồm các khoản tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, bảo quản hàng hóa, vận chuyển hàng hóa đi tiêu thụ và các khoản trích theo lương đã tính vào chi phí bán hàng theo tỷ lệ quy định.
- Chi phí vật liệu, bao bì: nhằm phục vụ cho việc đóng gói, bảo quản hàng hóa để vận chuyển đi tiêu thụ.
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng phục vụ cho hoạt động bán hàng hóa như các dụng cụ đo lường, bàn ghế, máy tính, ...
- Chi phí khấu hao TSCĐ: dùng cho các bộ phận bảo quản hàng hóa, bộ phận bán hàng như nhà kho, cửa hàng, phương tiện vận chuyển, ...
- Chi phí bằng tiền khác: chi phí giới thiệu hàng, chi phí chào hàng, quảng cáo, chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, ...

**d. Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là những khoản chi phí phát sinh có liên quan đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng ra cho bất kỳ hoạt động nào như quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp, bao gồm:

Chi phí quản lý nhân viên: gồm tiền lương và các khoản phụ cấp, ăn ca, phải trả cho ban giám đốc, nhân viên ở các phòng ban, các khoản trích theo lương đó được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp theo tỷ lệ quy định.

- Chi phí vật liệu quản lý.
- Chi phí đồ dùng văn phòng.
- Chi phí khấu hao TSCĐ: nhà văn phòng làm việc của doanh nghiệp, phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn, thiết bị văn phòng.
- Thuế, phí, lệ phí: thuế môn bài, thuế nhà đất và các khoản phí, lệ phí khác.
- Chi phí dự phòng: gồm dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng phải thu khó đòi.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài: tiền điện, nước, điện thoại, fax, thuê nhà làm văn phòng, thuê ngoài sửa chữa TSCĐ phục vụ khối văn phòng...
- Chi phí bằng tiền khác: là số tiền đã chi ra để phục vụ cho việc điều hành, quản lý chung của doanh nghiệp như chi tiếp khách, hội nghị, chi phí kiểm toán, công tác phí, ...

**e. Chi phí khác:** là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

**f. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

### 1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh.

- Khái niệm: Kết quả kinh doanh là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả cuối cùng từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

- Phân loại: kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- + Kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh.
- + Kết quả hoạt động tài chính.
- + Kết quả hoạt động khác.



**1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.**

**1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

**1.2.1.1. Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm:

- Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa.
- Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm.
- Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- Tài khoản 5118 – Doanh thu khác.

*\*Kết cấu chủ yếu của TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ như sau:*

**Bên nợ:**

- + Thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ.
- + Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- + Các khoản doanh thu bán hàng bị trả lại, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- + Cuối kỳ kết chuyển doanh thu thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

**Bên có:**

- + Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

TK 511 không có số dư cuối kỳ.



## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

- TK 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ. TK được sử dụng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty,... hạch toán tính theo giá bán nội bộ.

TK 512 bao gồm:

- + TK 5121: Doanh thu bán hàng hóa.
- + TK 5122: Doanh thu bán các sản phẩm.
- + TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 512 tương tự như TK 511.

- Các TK khác có liên quan như: 3331 – Thuế GTGT đầu ra phải nộp, 3387 – Doanh thu chưa thực hiện, 131 – Phải thu của khách hàng, 111 – Tiền mặt, 112 – Tiền gửi ngân hàng.

### **1.2.1.2. Một số quy định khi hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu bao gồm cả các khoản phụ thu, phí thu thêm ngoài giá bán.

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Không hạch toán vào tài khoản 511 trong các trường hợp sau:

- + Trị giá hàng hóa, vật tư, bán thành phẩm xuất giao cho bên ngoài gia công chế biến.
- + Trị giá sản phẩm, hàng hóa đang gửi bán, dịch vụ hoàn thành đã cung cấp cho khách hàng nhưng chưa được xác định là đã bán.
- + Trị giá hàng gửi bán theo phương thức gửi đại lý, ký gửi ( chưa được xác định là đã bán).
- + Doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác không được coi là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

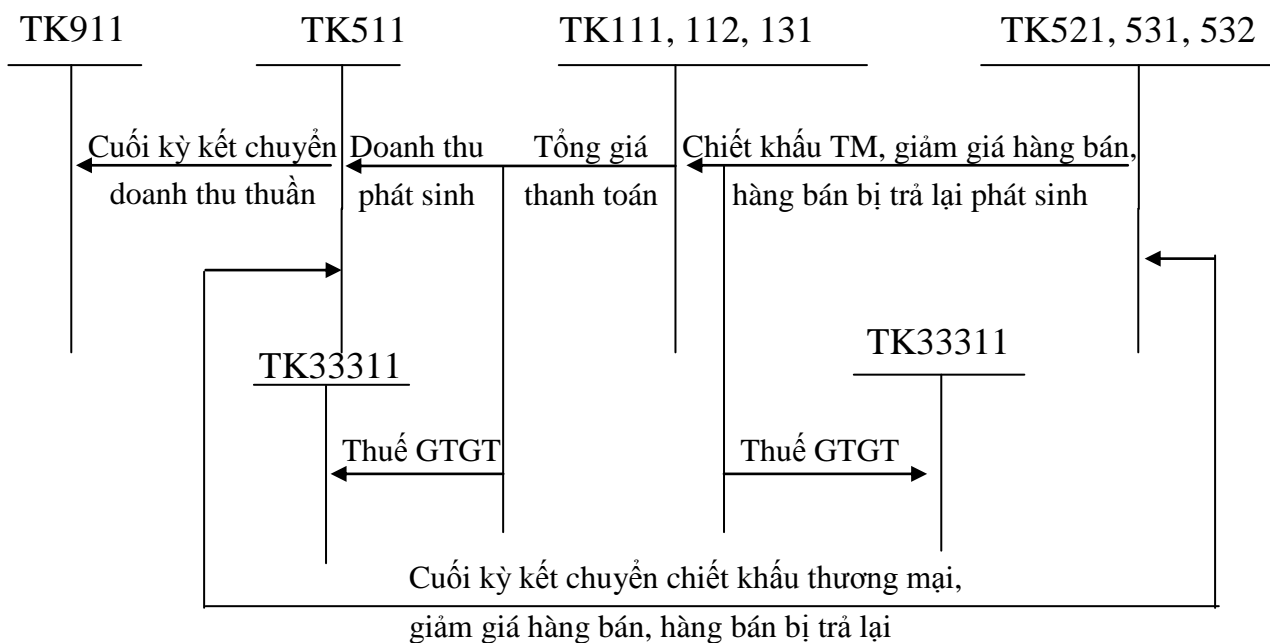
## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### 1.2.1.3. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

*Sơ đồ số 1.1:*

#### KẾ TOÁN TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

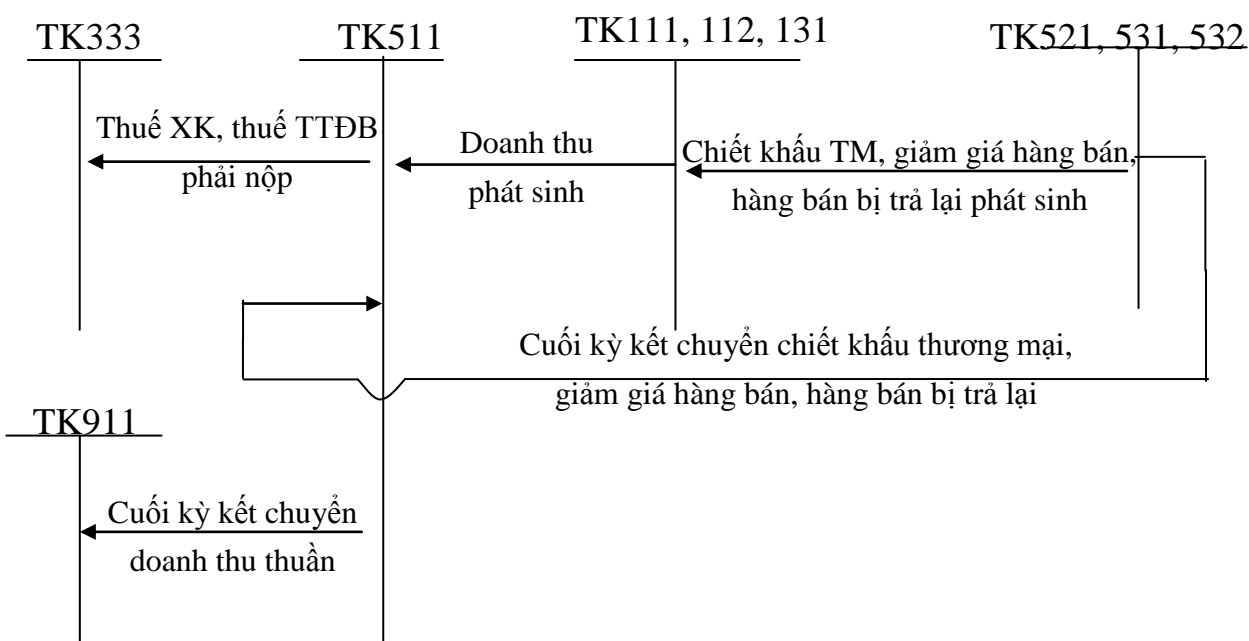
*(Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)*



*Sơ đồ số 1.2:*

#### KẾ TOÁN TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

*(Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)*



### 1.2.2. Các khoản giảm trừ doanh thu:

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### 1.2.2.1. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại. TK này bao gồm 3 TK cấp 2:
- + TK 5211 - Chiết khấu hàng hóa.
- + TK 5212 - Chiết khấu thánh phẩm.
- + Tk 5213 – Chiết khấu dịch vụ
- Tài khoản 531 – Hàng bán bị trả lại.
- Tài khoản 532 – Giảm giá hàng bán.

*\*Kết cấu của TK 521 - Chiết khấu thương mại như sau:*

TK 521 - Chiết khấu thương mại

Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng phát sinh trong kỳ.	Cuối kỳ kế toán, kết chuyển số Chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ kế toán.
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

Tài khoản 521 không có số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ.

*\*Kết cấu của TK 531 – Giảm giá hàng bán như sau:*

TK 531 – Giảm giá hàng bán

Khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng phát sinh trong kỳ.	Kết chuyển số tiền Giảm giá hàng bán sang tài khoản 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc tài khoản 512- “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần của kỳ kế toán.
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

Tài khoản 531 không có số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ.

*\*Kết cấu của TK 532 – Hàng bán bị trả lại như sau:*

TK 532 – Hàng bán bị trả lại

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Doanh thu của hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.	Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ tài khoản 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc tài khoản 512- “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần của kỳ kế toán.
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

Tài khoản 532 không có số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ.

### 1.2.2.2. Một số quy định khi hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.

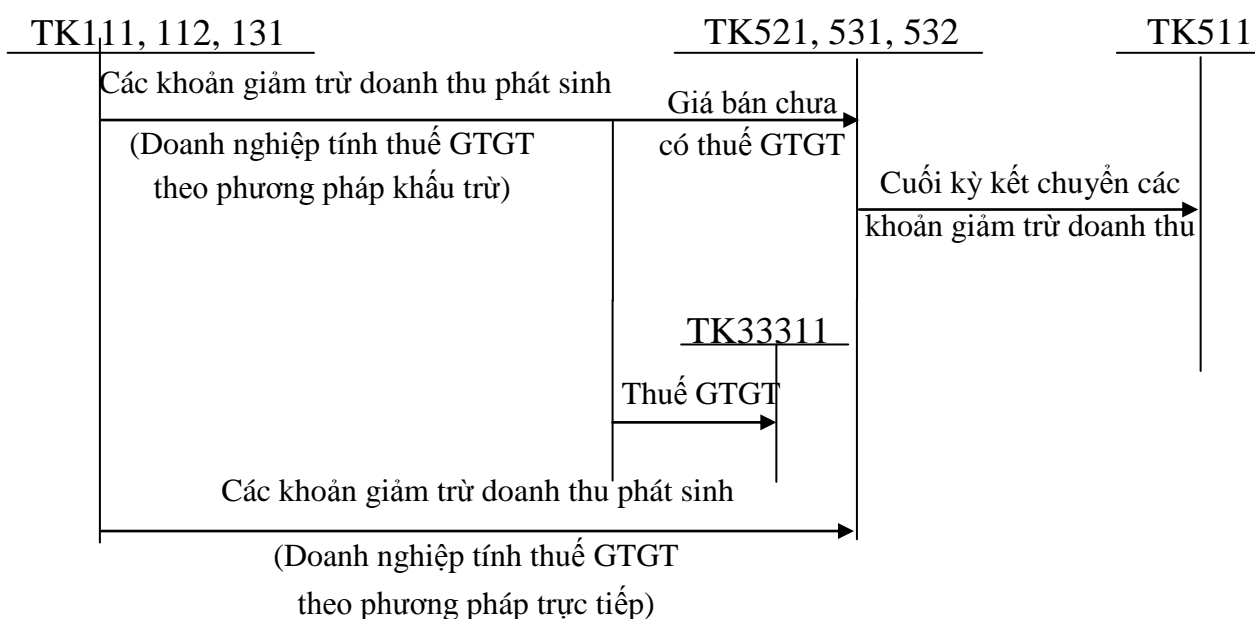
- Tài khoản này chỉ phản ánh khoản chiết khấu thương mại khi bán hàng được ghi trên hóa đơn hoặc các chứng từ khác liên quan đến bán hàng, chỉ phản ánh giá trị của số hàng bị trả lại đúng bằng số lượng hàng bị trả lại nhân với đơn giá bán ghi trên hóa đơn và chỉ phản ánh các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá ngoài hóa đơn. Không hạch toán vào tài khoản này số giảm giá đã được ghi trên hóa đơn và đã được trừ vào tổng giá trị hàng bán ghi trên hóa đơn.

- Trong kỳ hạch toán, các khoản giảm trừ doanh thu thực tế phát sinh được phản ánh vào bên nợ tài khoản 521, 531, 532. Cuối kỳ, kết chuyển tổng số tiền giảm trừ doanh thu vào tài khoản 511 để xác định doanh thu.

### 1.2.2.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:

**Sơ đồ số 1.3:**

#### KẾ TOÁN CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU.



### 1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.

#### 1.2.3.1. Tài khoản sử dụng:

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán, phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ.

*\*Kết cấu của TK 632 – Giá vốn hàng bán như sau:*

TK 632 – Giá vốn hàng bán

- Giá vốn hàng đã bán. - Lập dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho.	- Hoàn nhập khoản dự phòng. - Kết chuyển vào Tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

Tài khoản 632 không có số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ.

### 1.2.3.2. Một số quy định khi hạch toán kế toán giá vốn hàng bán.

Chỉ hạch toán Giá vốn hàng bán khi các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thành được xác định là đã bán trong kỳ.

Các khoản chi phí phát sinh như khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phân bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra, chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt qua định mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình hoàn thành thì được hạch toán trực tiếp vào giá vốn hàng bán.

### 1.2.3.3. Các phương pháp tính giá xuất kho:

**Kế toán tổng hợp chi phí, tính giá thực tế tài sản mua vào.**

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực} \\ \text{tế tài sản} \\ \text{mua vào} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trị giá mua} \\ \text{ghi trên} \\ \text{hóa đơn} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thu} \\ \text{mua thực tế} \\ \text{phát sinh} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Thuế không} \\ \text{được hoàn} \\ \text{lại} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chiết khấu thương} \\ \text{mại, giảm giá hàng} \\ \text{mua được hưởng} \end{array}$$

### Kế toán tính trị giá hàng hóa đã tiêu thụ

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn} \\ \text{thực tế của} \\ \text{hàng hóa} \\ \text{xuất} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trị giá vốn} \\ \text{thực tế của} \\ \text{hàng hóa còn} \\ \text{lại đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá vốn} \\ \text{thực tế của} \\ \text{hàng hóa mua} \\ \text{vào trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Trị giá vốn} \\ \text{thực tế của} \\ \text{hàng hóa gửi} \\ \text{bán trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Trị giá vốn thực} \\ \text{tế của hàng hóa} \\ \text{tồn kho còn lại} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tùy theo đặc điểm kinh doanh, doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong bốn phương pháp sau để tính giá vốn cho hàng xuất bán, xuất dùng.

- **Phương pháp bình quân gia quyền:**

$$\text{Trị giá vốn hàng xuất kho} = \text{Lượng hàng xuất kho} \times \text{Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền}$$

Giá vốn bình quân gia quyền có thể được tính bằng một trong hai cách sau đây:

- + Tính theo giá vốn đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ nghĩa là chỉ đến cuối kỳ kế toán tính giá đơn vị bình quân một lần theo từng công thức sau:

$$\text{Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Tổng giá trị hàng nhập trong kỳ}}{\text{Lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Tổng lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

- + Tính giá vốn đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập ( bình quân gia quyền liên hoàn)

$$\text{Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập } i}{\text{Lượng hàng tồn sau lần nhập } i}$$

$$\text{Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền sau lần nhập } j = \frac{\text{Trị giá hàng tồn dòng kế trên xuất}}{\text{Lượng hàng tồn dòng kế trên xuất}}$$

Theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn, kế toán chỉ được tính giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập kế trước ngày xuất. Giữa các lần xuất trong tháng không có lần nhập xen kẽ thì đơn giá xuất không thay đổi.

Mỗi chủng loại hàng khác nhau thì phải tính giá cho từng mặt hàng tương ứng.

Tồn đầu kỳ coi như lần nhập đầu tiên trong tháng.

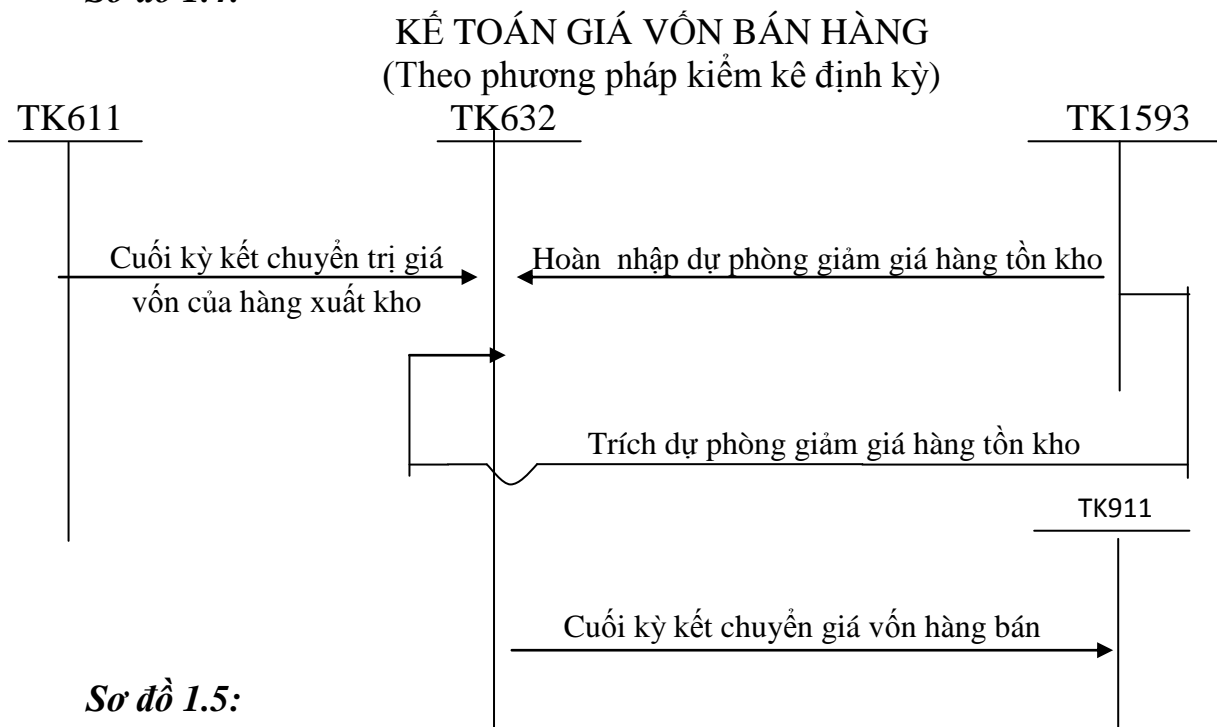
- **Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO):** kế toán giả định hàng nhập trước sẽ xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau.

- **Phương pháp nhập sau – xuất trước (LIFO):** kế toán giả định hàng nhập sau sẽ xuất trước, xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước.

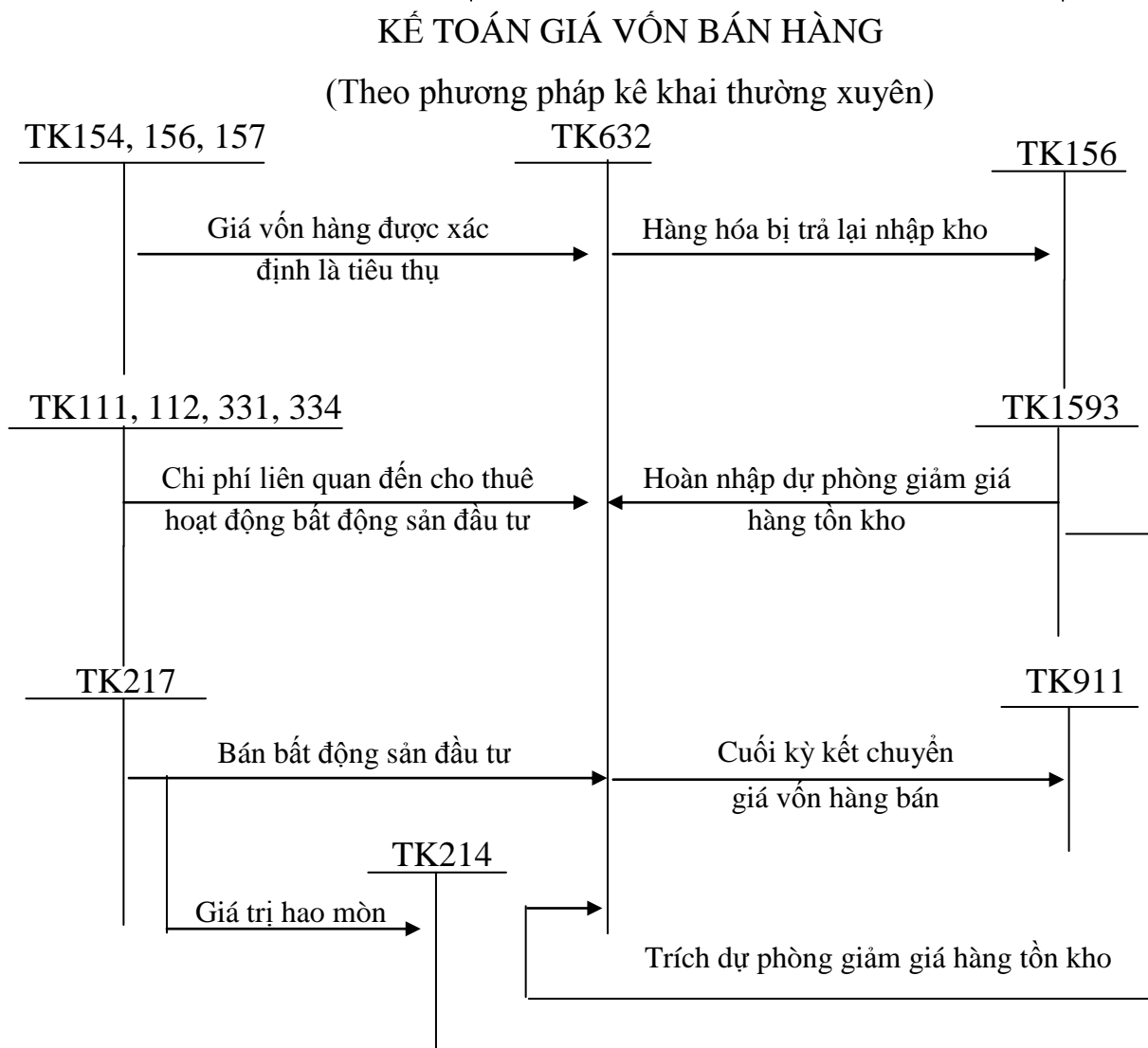
- **Phương pháp giá đích danh:** Giá của hàng tồn kho sẽ giữ nguyên từ khi nhập cho đến lúc xuất ra. Xuất loại nào, lấy loại đó.

**1.2.3.4. Kế toán giá vốn hàng bán**

**Sơ đồ 1.4:**



**Sơ đồ 1.5:**





## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### 1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 1.2.4.1. Tài khoản sử dụng:

##### a. Chi phí bán hàng.

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng.

TK 641 bao gồm 7 tài khoản cấp 2:

- TK 6411: Chi phí nhân viên
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6423: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415: Chi phí bảo hành
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.

##### b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

TK 642 bao gồm 8 tài khoản cấp 2:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí dụng cụ văn phòng.
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426: Chi phí dự phòng
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

*\*Kết cấu của TK 641 – Chi phí bán hàng và TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp như sau:*

TK 641, TK 642

- Tập hợp các chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp.	- Các khoản giảm trừ chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong quá trình hạch toán. - Kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 để tính kết quả kinh doanh trong kỳ; hoặc Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 142 “Chi phí trả trước để chờ phân bổ.
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

Tài khoản 641, 642 không có số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

- Đối với doanh nghiệp sản xuất, trường hợp có chu kỳ sản xuất kinh doanh dài, trong kỳ không có sản phẩm tiêu thụ (hoặc sản phẩm tiêu thụ ít) thì cuối kỳ kết chuyển toàn bộ Chi phí bán hàng sang theo dõi ở chi phí chờ kết chuyển.

- Đối với doanh nghiệp thương mại, trường hợp có dự trữ hàng hóa biến động giữa các kỳ thì phải phân bổ chi phí bán hàng cho hàng tồn kho cuối kỳ, tức là chuyển một phần chi phí bán hàng thành chi phí chờ kết chuyển, phần chi phí bán hàng còn lại phân bổ cho hàng đã bán được trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

Chi phí bán hàng, Chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ cho hàng còn trong kỳ:

$$\begin{array}{l} \text{CPBH phân bổ cho} \\ \text{hàng còn lại} \end{array} = \begin{array}{l} \text{CPBH cần phân bổ} \\ \text{còn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{CPBH cần phân bổ} \\ \text{phát sinh trong kỳ} \end{array}$$

Chi phí bán hàng, Chi phí quản lý doanh nghiệp cần phân bổ cho hàng đã bán:

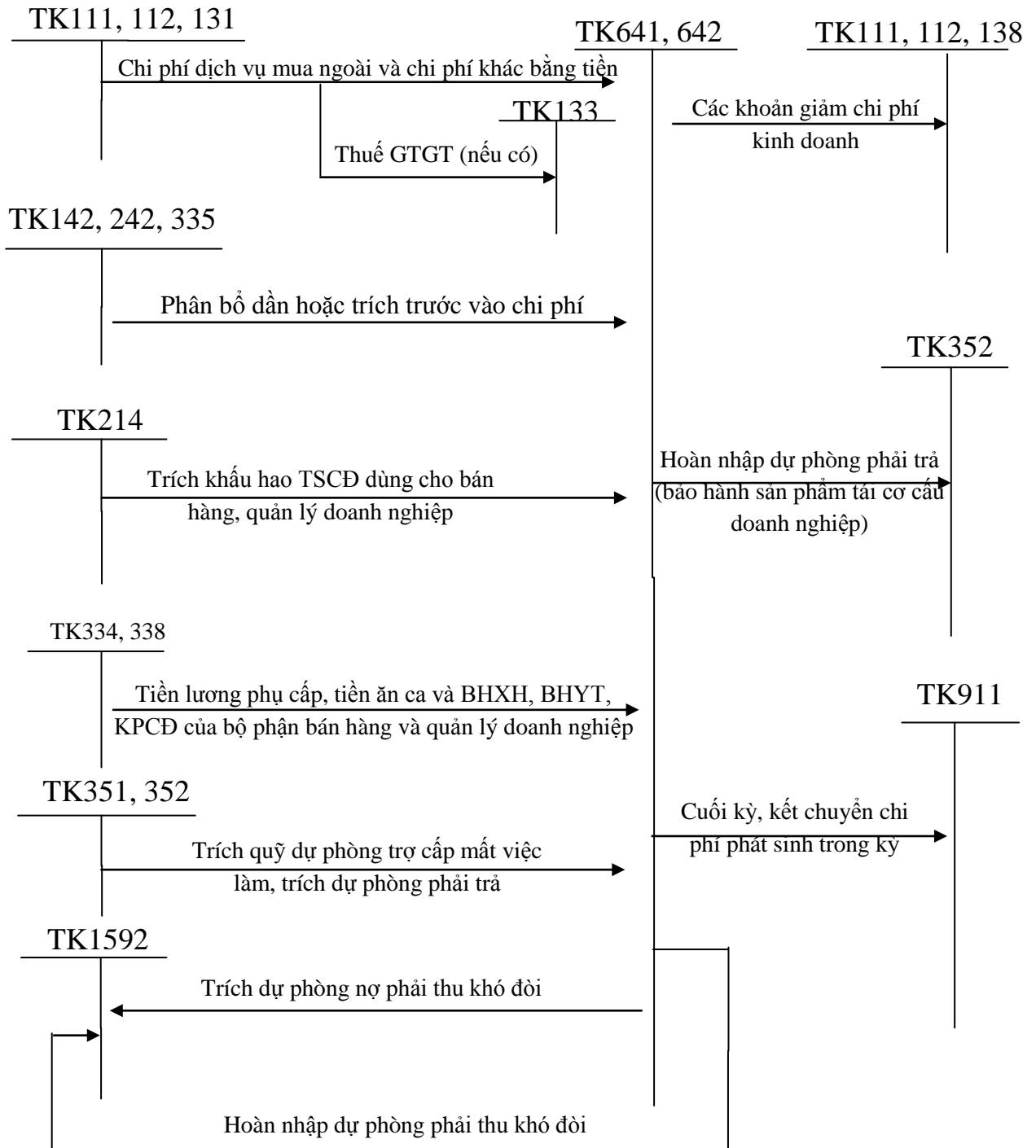
$$\begin{array}{l} \text{CPBH cần phân bổ} \\ \text{cho hàng đã tiêu thụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{CPBH cần phân} \\ \text{bổ còn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{CPBH phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{CPBH phân bổ cho} \\ \text{hàng còn lại cuối kỳ} \end{array}$$

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### 1.2.4.2. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Sơ đồ số 1.6:

#### KẾ TOÁN CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP



**1.2.5. Kế toán hoạt động tài chính.**

- Hoạt động tài chính là những hoạt động có liên quan đến việc huy động, quản lý và sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hoạt động tài chính trong doanh nghiệp rất đa dạng, phong phú, trong đó chủ yếu là các hoạt động tham gia liên doanh, đầu tư chứng khoán, cho thuê tài sản, kinh doanh bất động sản...

- Doanh thu hoạt động tài chính là toàn bộ các khoản thu nhập từ hoạt động tài chính được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản thu nhập đó thực tế đã thu hay sẽ thu trong kỳ sau.

- Chi phí hoạt động tài chính là toàn bộ các khoản chi phí và khoản lỗ liên quan đến hoạt động tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí dịch bán chứng khoán, các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

**1.2.5.1. Doanh thu hoạt động tài chính:**

**1.2.5.1.1. Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính, dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

*\*Kết cấu của TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính*

**Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính**

<p>- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).</p> <p>- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.</p>	<p>Doanh thu hoạt động tài chính gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm,...</li> <li>- Cổ tức, lợi nhuận được chia.</li> <li>- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, liên doanh, đầu tư, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vốn khác.</li> <li>- Lãi tỷ giá hối đoái, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ.</li> <li>- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.</li> <li style="padding-left: 20px;">- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.</li> </ul>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

*\*Một số quy định khi hạch toán doanh thu hoạt động tài chính:*



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

\**Kết cấu của TK 635 – Chi phí tài chính như sau:*

### TK 635 – Chi phí tài chính

- Các khoản chi phí tài chính. - Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn. - Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế. - Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ. - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. - Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

Tài khoản 635 không có số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ.

#### **1.2.5.2.2. Một số quy định khi hạch toán chi phí hoạt động tài chính.**

Tài khoản 635 phải được hạch toán chi tiết cho từng nội dung chi phí.

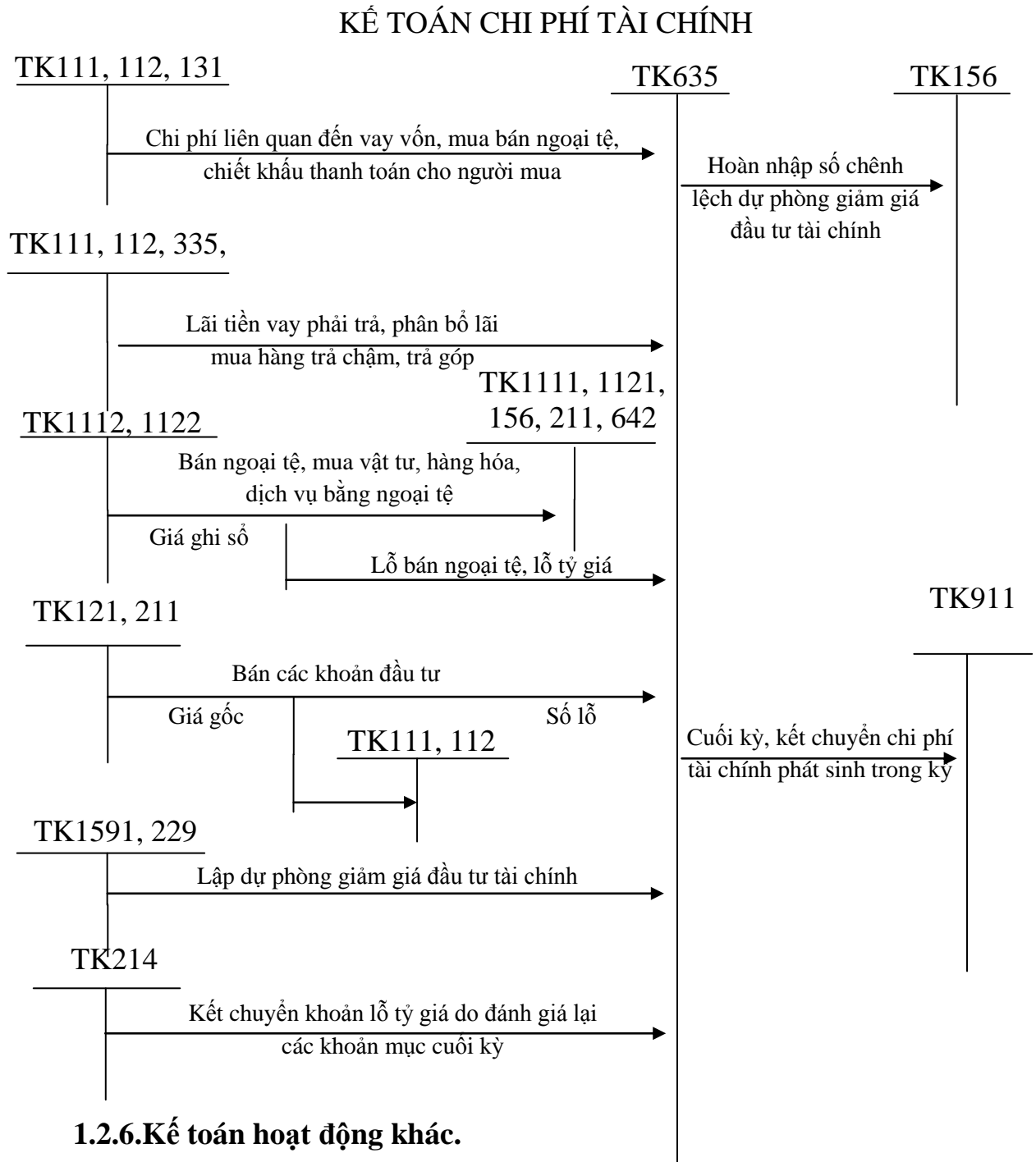
Không hạch toán vào tài khoản 635 những nội dung chi tiết sau:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ
- Chi phí quản lý kinh doanh
- Chi phí kinh doanh bất động sản
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản
- Chi phí khác

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### 1.2.5.2.3. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Sơ đồ số 1.8:



### 1.2.6. Kế toán hoạt động khác.

- Hoạt động khác (hoạt động bất thường) là những hoạt động diễn ra không thường xuyên, ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

Hoạt động khác có thể là:

- + Thank lý – nhượng bán TSCĐ
- + Hoạt động xử lý giải quyết các tranh chấp vi phạm hợp đồng kinh tế.
- + Về xử lý tài sản thừa, thiếu chưa rõ nguyên nhân.



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Về các khoản nợ khó đòi.

- Thu nhập khác là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự đoán tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên.

- Chi phí khác là các khoản chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

### 1.2.6.1. Kế toán thu nhập khác:

#### 1.2.6.1.1. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 711 – Thu nhập khác, dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác nhau ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Loại tài khoản này chỉ phản ánh các khoản thu nhập khác trong kỳ.

*\*Kết cấu của TK 711 – Thu nhập khác:*

#### TK 711 – Thu nhập khác

<p>- Số thuế GTGT phải nộp( nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp.</p> <p>- Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác sang tài khoản 911.</p>	<p>- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.</p> <p>Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng. Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.</p> <p>- Các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại, thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng hco doanh nghiệp.</p> <p>- Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót.</p>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

Tài khoản 711 không có số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ.

#### 1.2.6.1.2. Một số quy định khi hạch toán thu nhập khác.

Nội dung của thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ

- Chênh lệch lãi do đánh giá vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư tài chính dài hạn khác; Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê TSCĐ là thuê tài chính.

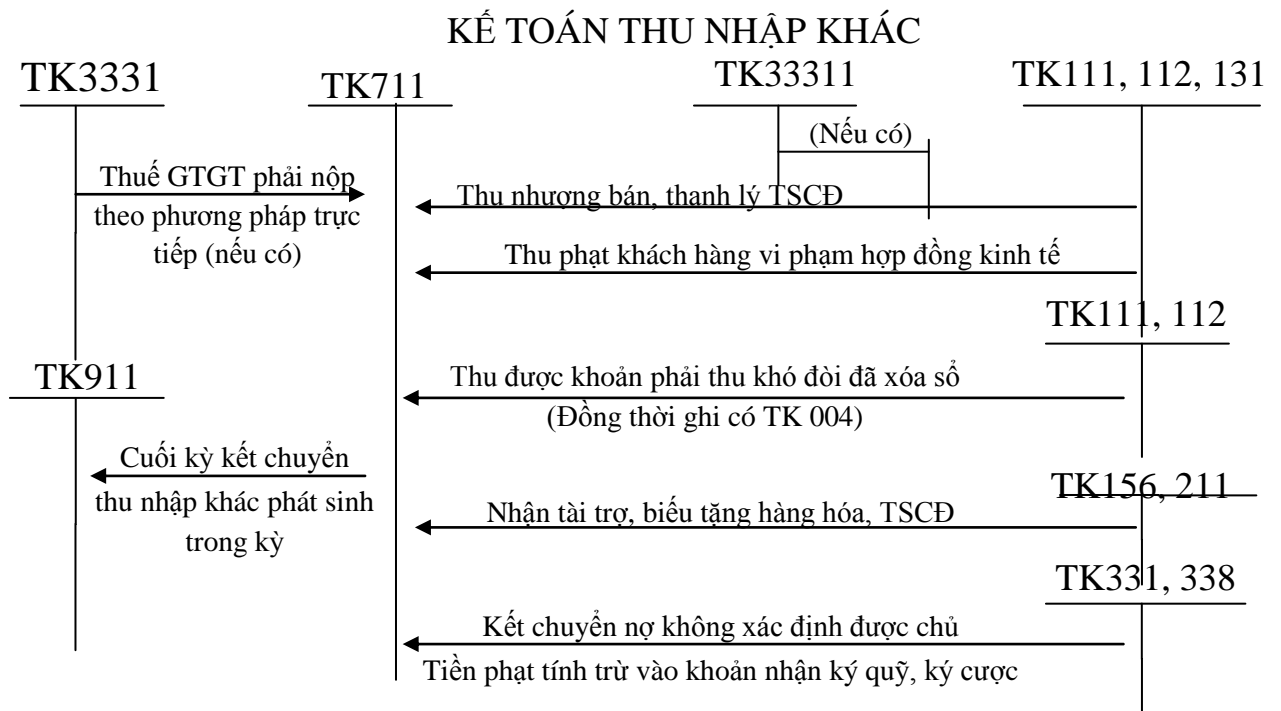
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Thu nhập các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ, thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ
- Một số khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại.
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

### 1.2.6.1.3. Sơ đồ kế toán thu nhập khác:

**Sơ đồ số 1.9:**



### 1.2.6.2. Kế Toán chi phí khác:

#### 1.2.6.2.1. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 811 – Chi phí khác, phản ánh các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Chênh lệch lỗ do đánh giá vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư tài chính dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí khác.

*\*Kết cấu của TK 811 – Chi phí khác:*

### TK 811 – Chi phí khác

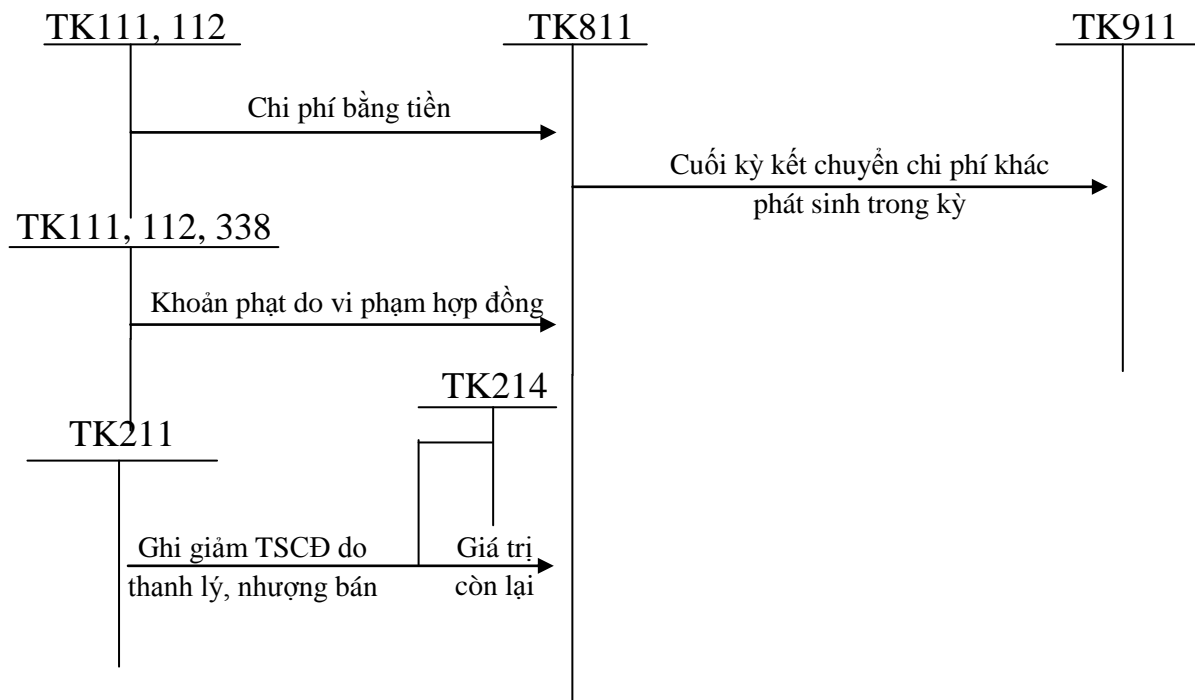
- Các khoản chi phí khác phát sinh.	- Cuối kỳ kế toán, Kết chuyển toàn bộ chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

Tài khoản 811 không có số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ.

### 1.2.6.2.2. Kế toán chi phí khác:

*Sơ đồ 1.10:*

### KẾ TOÁN CHI PHÍ KHÁC



**1.2.7. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.**

**1.2.7.1. Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, dùng để phản ánh chi phí chịu thuế TNDN phát sinh trong năm làm căn cứ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính.

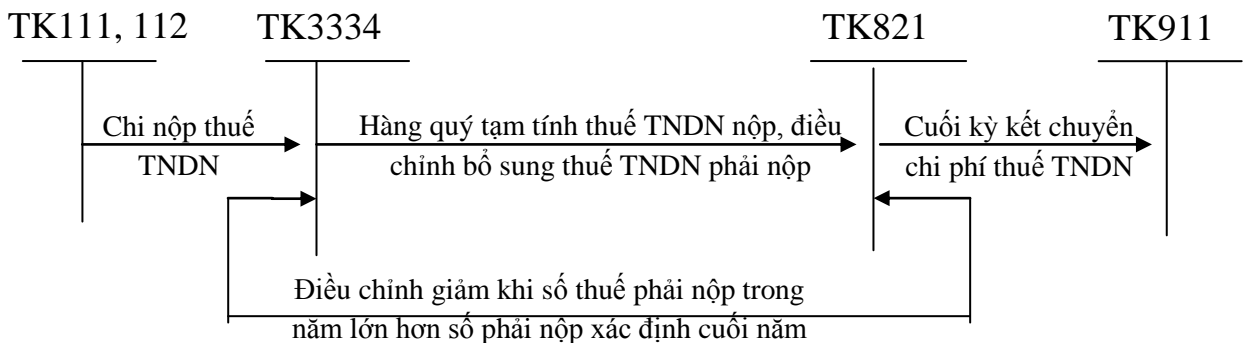
**1.2.7.2. Quy định khi hạch toán kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.**

Hàng quý, kế toán căn cứ vào tờ khai thuế TNDN để ghi chép số thuế TNDN tạm phải nộp vào chi phí thuế TNDN. Trường hợp phát hiện sai sót trọng yếu hoặc không trọng yếu liên quan đến khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước, doanh nghiệp điều chỉnh ( tăng, giảm) vào số dư đầu năm của các Tài khoản 3334 “Thuế thu nhập doanh nghiệp” và các tài khoản liên quan khác mà không phải ghi nhận vào Tài khoản 821.

**1.2.7.3. Sơ đồ kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.**

*Sơ đồ 1.11:*

**KẾ TOÁN CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**



**1.2.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.**

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hoặc lỗ.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh thông thường và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường là kết quả từ những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

động tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Lãi (lỗ) từ} \\ \text{hoạt động} \\ \text{SXKD} \end{array} = \begin{array}{l} \text{DTT về bán} \\ \text{hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng} \\ \text{bán} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Doanh} \\ \text{thu} \\ \text{HĐTC} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi} \\ \text{phí} \\ \text{HĐTC} \end{array} - \begin{array}{l} \text{CPBH, CPQLDN} \\ \text{tính cho hàng tiêu} \\ \text{thu trong kỳ} \end{array}$$

Trong đó:  $DTT = \text{tổng doanh thu bán hàng} - \text{các khoản giảm trừ}$

Kết quả hoạt động khác là kết quả từ hoạt động bất thường khác tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, được tính bằng chênh lệch giữa thu nhập khác (sau khi đã trừ đi thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp nếu có).

$$\text{Lãi (lỗ) hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

Kết quả hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ có thể lãi hoặc lỗ. Nếu lỗ sẽ được xử lý bù đắp theo chế độ quy định của chế độ tài chính.

### 1.2.8.1. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 911 – Xác định kết quả hoạt động kinh doanh, phải phản ánh đầy đủ, chính xác kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán theo đúng quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

\**Kết cấu của TK 911 – Xác định kết quả hoạt động kinh doanh:*

#### TK 911 – Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.</li> <li>- Chi phí bán hàng.</li> <li>- Chi phí quản lý doanh nghiệp.</li> <li>- Chi phí tài chính.</li> <li>- Chi phí khác.</li> <li>- Chi phí thuế TNDN.</li> <li>- Kết chuyển lãi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu thuần của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.</li> <li>- Doanh thu hoạt động tài chính.</li> <li>- Thu nhập khác.</li> <li>- Khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN.</li> <li>- Kết chuyển lỗ.</li> </ul>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

Tài khoản 911 không có số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### 1.2.8.2. Một số quy định khi hạch toán xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 911 phải phản ánh đầy đủ, chính xác kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán theo đúng quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Kết quả hoạt động kinh doanh có thể được hạch toán chi tiết theo từng hoạt động, trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ tùy theo yêu cầu quản lý của đơn vị.

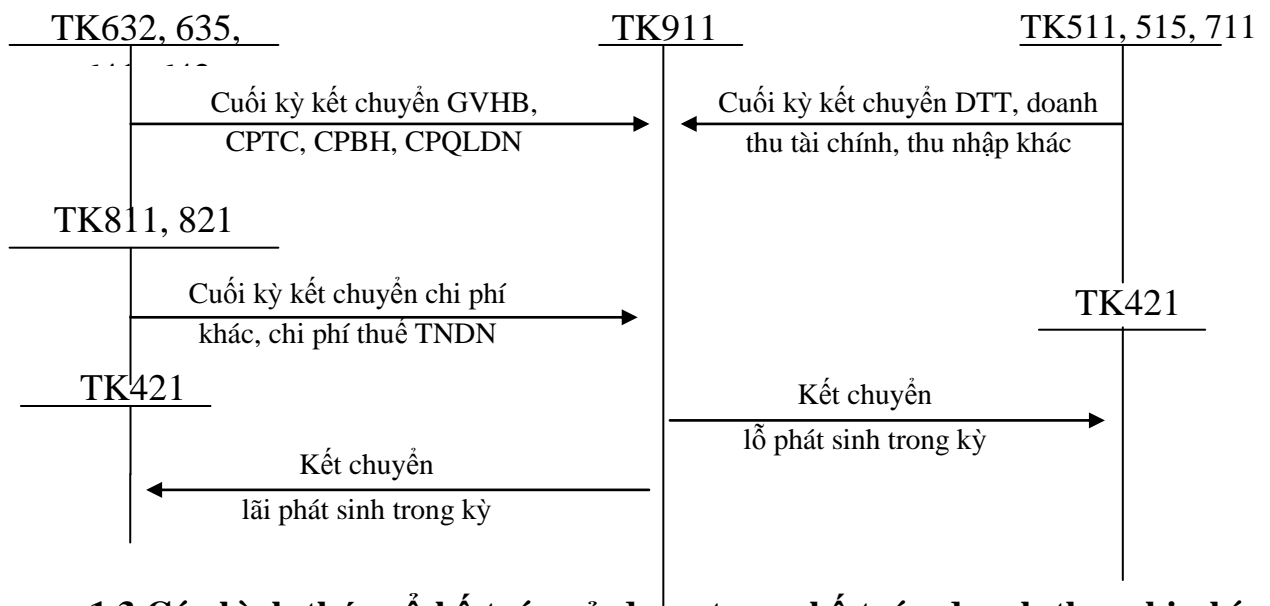
Các khoản doanh thu và thu nhập khác được kết chuyển vào tài khoản này là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

### 1.2.8.3. Sơ đồ kế toán xác định kết quả kinh doanh.

*Sơ đồ 1.11:*

#### KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)



### 1.3. Các hình thức sổ kế toán sử dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

#### 1.3.1. Các hình thức sổ kế toán.

Căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ chuyên nghiệp của cán bộ kế toán, điều kiện trang bị kỹ thuật tính toán, lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp và phải tuân theo đúng quy định của hình thức sổ kế toán đó, gồm: Các loại sổ và kết cấu các loại sổ quan hệ đối chiếu kiểm tra, trình tự, phương pháp ghi chép các loại sổ kế toán.

Doanh nghiệp được áp dụng một trong bốn hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung.

- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

### 1.3.2. Chứng từ:

Chứng từ kế toán là những giấy tờ và vật mang tin phản ánh nghiệp vụ kinh tế, tài chính đã phát sinh và hoàn thành, làm căn cứ ghi sổ kế toán.

Mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh ở đơn vị đều phải lập chứng từ và ghi chép đầy đủ, trung thực khách quan vào chứng từ kế toán.

Mẫu chứng từ kế toán bao gồm:

- + Mẫu chứng từ kế toán bắt buộc.
- + Mẫu chứng từ kế toán hướng dẫn.

### 1.3.3. Sổ kế toán sử dụng:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung:
  - + Sổ Nhật ký chung, Sổ nhật ký đặc biệt.
  - + Sổ cái.
  - + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái:
  - + Nhật ký – Sổ cái.
  - + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:
  - + Chứng từ ghi sổ.
  - + Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
  - + Sổ cái.
  - + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

- Hình thức kế toán máy vi tính: phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

- Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp bao gồm:
  - + Bảng cân đối kế toán ( Mẫu số B01-DNN).
  - + Báo cáo kết quả kinh doanh ( Mẫu số B02-DNN).
  - + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ ( Mẫu số B03-DNN).
  - + Bản thuyết minh báo cáo tài chính ( Mẫu số B09-DNN).
  - + Bảng cân đối tài khoản ( Mẫu số F01-DNN).



**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH  
KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP  
MIỀN BẮC.**

**2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần thép Miền Bắc.**

**2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển:**

Công ty cổ phần thép Miền Bắc tiền thân từ mô hình quân đội từ những năm 90. Sau một thời gian, được sự cho phép của sở kế hoạch đầu tư Hải Phòng, công ty chuyển thành công ty TM&XDTH Miền Bắc chuyên kinh doanh vật tư kim khí, thiết bị máy móc, sắt thép.

Ngày 23 tháng 7 năm 2001 theo ĐKKD số 0203000087 của sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng, công ty TM&XDTH Miền Bắc được thành lập.

Do chính sách của nhà nước đó là cổ phần hoá công ty nhà nước thành công ty cổ phần nên ngày 25 tháng 8 năm 2005 công ty chuyển thành công ty cổ phần thép Miền Bắc

Trụ sở chính của công ty tại địa chỉ: Km89, đường 5 mới, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ hiện tại của công ty là 150 tỷ

Với sáng lập viên ban đầu chỉ có 5 người đến nay đã lên đến gần 200 cán bộ công nhân viên.

Công ty có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày hoạt động tới nay, công ty đã gặt hái được nhiều thành công: các sản phẩm của công ty đã có được chỗ đứng trên thị trường, đáp ứng được nhu cầu của khách hàng. Phương châm của thép Miền Bắc là không ngừng hoàn thiện và đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng liên tục cải tiến công tác quản lý tổ chức, thương mại đa dạng đem lại chất lượng và dịch vụ hoàn hảo được khách hàng đánh giá cao. Hàng năm công ty đã đóng góp không nhỏ vào ngân sách của nhà nước.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Bảng 2.1:**

Bảng kết quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần thép Miền Bắc  
trong 3 năm gần đây:

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>2008</b>	<b>2009</b>	<b>Chênh lệch</b>
1. Tổng GVHB	141.669.362.498	287.871.367.916	146.202.005.418
2. Tổng doanh thu	148.193.055.838	308.920.990.562	160.727.934.724
3. Tổng LNST	5.786.823.229	8.002.539.424	2.215.716.195
4. Nộp NSNN	1.620.310.504	2.667.513.141	1.047.202.637

Như vậy, doanh thu năm 2009 so với năm 2008 đã tăng 160.727.934.724 (tương ứng là 108,45%).

Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2009 so với năm 2008 tăng là 2.215.716.195 (tương ứng là 38,29%).

Tình hình sản xuất kinh doanh của công ty năm 2009 là rất khả quan, các chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế, doanh thu, nộp ngân sách đều ổn định. Cán bộ công nhân viên đều có việc làm ổn định, được hưởng mọi chế độ theo quy định của nhà nước ban hành và được hưởng mức lương phù hợp theo sức lao động. Đây là dấu hiệu rất tốt cho công ty trong năm 2009. Công ty thực sự đã đứng vững và không ngừng phát triển trên cơ chế thị trường với những khó khăn và thử thách lớn. Toàn bộ tập thể cán bộ công nhân viên công ty đã nỗ lực phấn đấu đưa Công ty ngày càng lớn mạnh không ngừng cùng với sự nghiệp phát triển hàng tiêu dùng trong cả nước.

Đạt được kết quả như ngày nay là do công ty đã thường xuyên phân tích và tìm hiểu nhu cầu khách hàng, đón biết trước hướng phát triển cầu thị trường thép. Biết phát huy lợi thế của mình, đề ra chiến lược kinh doanh đúng đắn, phù hợp với thực tế, đầu tư đúng hướng, tiết kiệm chi phí sản xuất, không ngừng nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, tiếp tục củng cố mở rộng mặt hàng mới với khách hàng, nâng cao uy tín của công ty trên thương trường.

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

### **a.Môi trường kinh doanh hiện nay của công ty cổ phần thép Miền Bắc:**

Hiện nay, nền kinh tế phát triển, đất nước mở cửa hoà nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới đòi hỏi công ty phải có một môi trường kinh doanh mở rộng, tiên tiến thực sự hoà nhập với xu thế chung của doanh nghiệp khác.

✓ Các đối thủ cạnh tranh của công ty:

Công ty có rất nhiều đối thủ cạnh tranh khác nhau tại thị trường Hải Phòng là các công ty Hùng Cường, Nam Vang, Đông Đạt, Thái Sơn, công ty thép ống 190 bên cạnh đó là sức ép của các công ty nước ngoài ngay tại chính là rất lớn. Để đứng vững trên thị trường công ty đã tìm ra một phương pháp Marketing cho các sản phẩm có thể vượt xa đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng so với các sản phẩm của đối thủ cạnh tranh. Công ty thực hiện cho mình một môi trường kinh doanh lành mạnh, tìm hiểu rõ nhu cầu và quy mô của thị trường, tiến hành phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu. Tiến hành khai thác những sản phẩm mới đem chào bán nhằm thoả mãn nhu cầu của người tiêu dùng và mục tiêu của tổ chức.

✓ Môi trường văn hoá xã hội:

Thị trường chủ yếu của công ty ở các tỉnh phía bắc và thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy các sản phẩm của công ty luôn có nhãn mác để khách hàng có thể biết xuất xứ của sản phẩm mà họ cần, phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng và với một giá cả vừa phải.

✓ Môi trường kinh tế:

Là một tổ chức hoạt động trên địa bàn trong nước, trong thời gian những năm gần đây nền kinh tế nước ta tương đối ổn định, và sự phát triển kéo theo nhu cầu về xây dựng cơ sở hạ tầng tăng theo. Tuy nhiên doanh nghiệp cũng gặp nhiều khó khăn do sự biến động của thị trường sắt thép trên thế giới giá nhập hàng tăng trong khi giá bán không thể nhích lên theo giá thị trường.

✓ Môi trường chính trị pháp luật:

Nhìn chung môi trường chính trị pháp luật của công ty tương đối thuận lợi cho quá trình hoạt động kinh doanh của công ty kể cả trong nước lẫn xuất khẩu ra nước ngoài. Môi trường này là rất ổn định đặc biệt là trong những năm vừa qua

mặc dù thế giới có những biến động gây khó khăn rất lớn cho các doanh nghiệp nước ngoài thì ở Việt Nam vẫn giữ được sự cân bằng đáng kể tạo nền móng cho các doanh nghiệp trong nước hoạt động bình thường.

### **b. Ngành nghề kinh doanh thương mại:**

- Công ty tập trung vào kinh doanh các mặt hàng sau:
  - + Kinh doanh các mặt hàng kim khí sắt thép các loại.
  - + Kinh doanh các mặt hàng sắt thép phế liệu các loại.
  - + Kinh doanh vật liệu xây dựng, khí đốt, xăng dầu.
- Lĩnh vực hoạt động của công ty ngành hàng mũi nhọn chủ yếu là kinh doanh các sản phẩm sắt thép các loại như thép tấm, thép lá, thép ống, thép xây dựng, thép ray, thép hình U – I – H – L ... Các mặt hàng sắt thép trên là ngành công nghiệp nặng có giá trị cao, sản phẩm của công ty chủ yếu cung cấp cho các nhà máy đóng tàu, xăng dầu, các công trình xây dựng kết cấu nhà thép.

- Phạm vi hoạt động: Hàng hóa của công ty cung cấp ở thị trường Miền Bắc và thành phố Hồ Chí Minh là chủ yếu, tại thị trường này có thuận lợi về mặt vận chuyển hàng hóa đường thủy sẽ tiết kiệm được chi phí vận chuyển, ở hai thị trường này có nhiều khi công nghiệp lớn, tốc độ đô thị phát triển nhanh, các công trình xây dựng nhiều nên nhu cầu tiêu thụ hàng hóa rất lớn.

### **c. Định hướng phát triển của công ty trong những năm tới:**

- Hiện nay, công ty đang có hai chi nhánh ở Hải Phòng và một chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh. Trong tương lai, công ty sẽ phát triển các chi nhánh này ngày một vững mạnh. Xây dựng thêm các khách hàng tiềm năng, góp phần vào ngành công nghiệp thép ở Việt Nam. Sản phẩm thép của công ty sẽ đa dạng và phong phú hơn đáp ứng được nhu cầu của khách hàng với phương châm uy tín và chất lượng.

- Tiến tới, công ty cũng sẽ có kế hoạch chăm lo cho đời sống của toàn bộ công nhân viên trong công ty, giúp họ có một cuộc sống đảm bảo để họ có thể phục vụ cho công ty được tốt nhất. Đồng thời Công ty cũng sẽ tạo điều kiện để mọi công nhân trong công ty được nâng cao trình độ để tiếp cận với khoa học công nghệ.

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

Trước thềm hội nhập và mở cửa của nền kinh tế Việt Nam và thế giới, Công ty cổ phần thép Miền Bắc hi vọng sẽ được hợp tác cùng với các đối tác trong và ngoài nước để thương hiệu “Thép Miền Bắc” ngày càng được khách hàng biết đến.

### **d.Nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất của công ty:**

#### **Bảng 2.2:**

Bảng nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất của công ty cổ phần thép Miền Bắc năm 2008:

<b>STT</b>	<b>Các nguồn lực</b>	<b>Trị giá ( triệu đồng)</b>
1	Về vốn: - Tiền mặt - Tiền gửi ngân hàng	10000 2000 8000
2	Nhà cửa cơ sở vật chất	3100
3	Dụng cụ văn phòng	520
4	Tài sản khác	200

Qua bảng 1 ta thấy công ty có nguồn vốn tương đối lớn với một danh nghiệp tư nhân, cơ sở vật chất kỹ thuật tốt đáp ứng được những yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng, bên cạnh đó công ty luôn chú trọng khai thác những sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

TSCĐ của công ty bao gồm văn phòng tòa nhà hai tầng với diện tích mặt bằng 120  $m^2$ , kho bãi Hồng Bàng cạnh trung tâm Metro có diện tích bằng 6.000  $m^2$  và kho chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh có diện tích bằng 4.000  $m^2$ . Với số vốn đầu tư cho nhu cầu TSCĐ là rất lớn, các kho Hồng Bàng và Thành phố Hồ Chí Minh công ty thuê của các đơn vị bạn từ khi là kho bãi trống, Công ty phải dãi đá làm đường đầu tư xây dựng văn phòng, chỗ ở cho cán bộ nhân viên.

Tài sản lưu động của công ty bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, vật tư hàng hóa tồn kho, các khoản phải thu của khách hàng, đầu tư tài chính góp vốn liên doanh liên kết.

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

Công ty luôn tìm ra những biện pháp sử dụng vốn có hiệu quả mang lại kinh tế cao giảm được chi phí lãng phí, nâng cao lợi nhuận kỳ sau cao hơn kỳ trước.

### **e.Nguồn nhân lực:**

Công ty có 3 kho trong đó 1 kho chính nằm ở khu vực ven thành phố Hải Phòng, một kho phụ nằm gần siêu thị Metro, một kho chi nhánh đặt ngay tại thành phố Hồ Chí Minh là nơi tập trung khá nhiều người lao động do vậy công ty không gặp phải khó khăn trong vấn đề tìm kiếm nguồn lao động.

Nguồn nhân lực có một vai trò quan trọng đối với một doanh nghiệp thương mại như công ty cổ phần thép Miền Bắc. Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên gọn nhẹ về số lượng được thể hiện ở bảng số sau:

#### **Bảng 2.3:**

Bảng thể hiện trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên công ty cổ phần thép Miền Bắc năm 2008:

<b>S T T</b>	<b>Chức năng</b>	<b>Tổng số</b>	<b>Trình độ công nhân viên</b>					
			<b>Sau Đ.Học</b>	<b>Đại học</b>	<b>Cao đẳng</b>	<b>Trung cấp</b>	<b>Sơ cấp</b>	<b>LDPT</b>
1	Hội đồng quản trị	4		4				
2	Ban giám đốc	3		3				
3	Phòng TCHC	7		2		2	1	2
4	Phòng XNK	4		4				
5	Phòng kế toán	4		3		1		
6	Phòng kinh doanh	5		3		2		
6 A	Bộ phận các kho	19		2		7		10
6 B	Chi nhánh TP.HCM	5		1		2		2
	<b>Tổng cộng</b>	<b>51</b>		<b>22</b>		<b>14</b>	<b>1</b>	<b>14</b>

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nhìn vào bảng trên ta thấy công ty có số lượng lao động rất tinh giản trong đó bộ phận gián tiếp chiếm tỉ lệ 45%, bộ phận lao động trực tiếp chiếm 55% do công ty chuyên về lĩnh vực thương mại. Ngoài ra công ty còn có đội ngũ cán bộ lãnh đạo, nhân viên quản lý giàu kinh nghiệm, năng động.

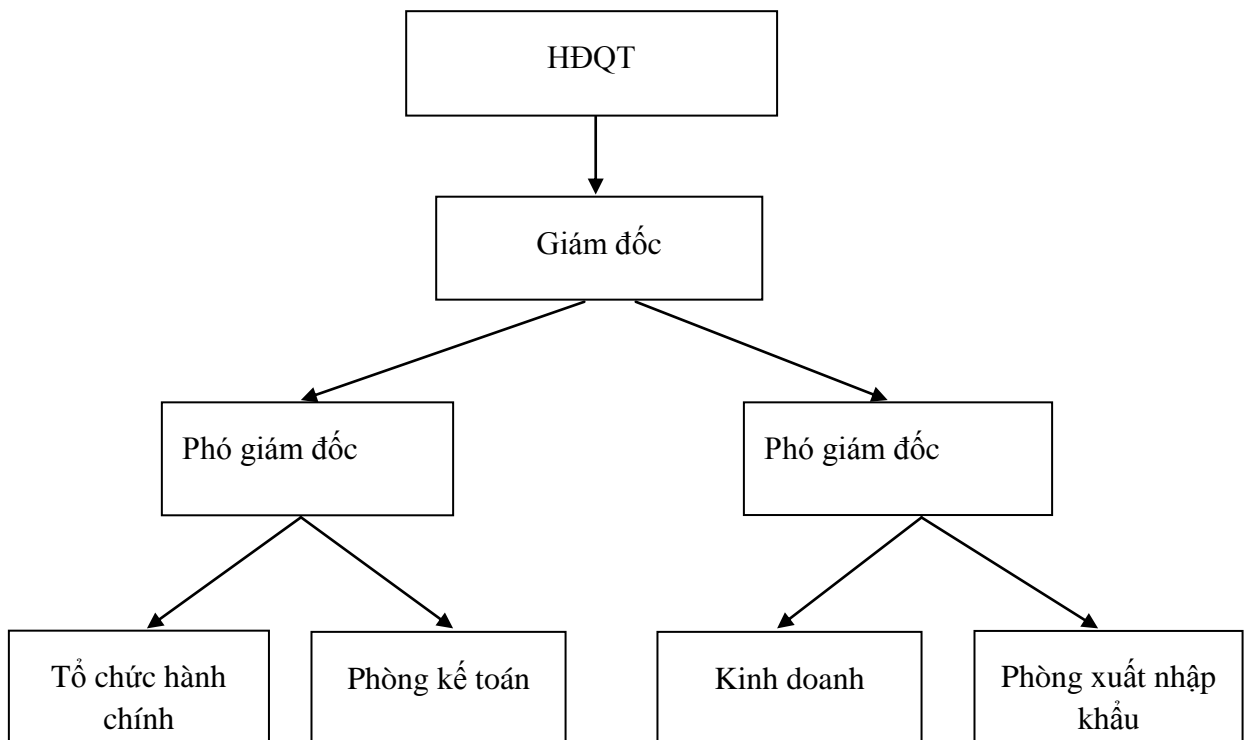
Đứng trước sự cạnh tranh gay gắt về chất lượng của các sản phẩm cả trong và ngoài nước hiện nay, song song với việc thực hiện chính sách khác, công ty tiến hành chính sách về quản lý lao động theo hướng giảm số lượng lao động dư thừa trong các bộ phận quản lý. Cơ cấu tổ chức quản lý, tổ chức sản xuất, bố trí sắp xếp lao động được xem xét điều chỉnh hàng năm, nhằm đảm bảo bộ máy hoạt động có hiệu quả nhất.

Hằng năm, công ty luôn có chương trình đào tạo nâng bậc, thi thợ giỏi, cử công nhân giỏi đi học lớp kỹ thuật nâng cao tay nghề. Công ty luôn có chính sách khuyến khích học tập đối với toàn bộ cán bộ công nhân viên, công nhân sản xuất là trẻ, năng động, sáng tạo, trình độ văn hoá 12/12 đáp ứng nhu cầu mới.

### 2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý:

#### Sơ đồ 2.1:

Sơ đồ bộ máy quản lý công ty cổ phần thép Miền Bắc





Chức năng của các phòng ban trong công ty:

❖ **Hội đồng quản trị:**

- Hoạch định chiến lược, đề ra những giải pháp cho công ty.
- Đầu tư vốn, cơ sở vật chất.
- Bổ nhiệm các chức danh trong công ty.

❖ **Ban giám đốc:**

- Quản lý công ty, chịu trách nhiệm về toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trước hội đồng quản trị.
- Đề ra các phương án sản xuất kinh doanh trình hội đồng quản trị.
- Tổ chức thực hiện các phương án được đề ra.
- Kiểm tra việc thực hiện các phương án, đưa ra những biện pháp khắc phục khi cần thiết.
- Thường xuyên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho hội đồng quản trị.

❖ **Phòng tổ chức hành chính:**

- Phòng tổ chức hành chính có nhiệm vụ quản lý toàn bộ nhân lực con người trong nhà máy thực hiện chính sách của Đảng, Nhà nước đối với cán bộ công nhân viên đảm bảo.
  - Quyền lợi cho công nhân sắp xếp bố trí thay đổi nhân lực sao cho phù hợp với tay nghề và sức khỏe của từng người.
  - Trưởng phòng tổ chức hành chính: là người trực tiếp tham mưu cho giám đốc về tổ chức bộ máy quản lý công ty.
    - Đề xuất đào tạo cán bộ trước mắt và lâu dài
    - Quản lý theo dõi và giao nhiệm vụ cho cán bộ trong phòng, kiểm tra việc xây dựng kế hoạch tiền lương an toàn lao động, nâng cấp bậc cho cán bộ công nhân viên.
    - Xây dựng kế hoạch nhận lực đào tạo ngắn hạn và dài hạn cho công ty phục vụ cho việc xây dựng và duy trì các hệ thống chất lượng.

### ❖ **Phòng kinh doanh:**

- Phòng kinh doanh của công ty có nhiệm vụ thực hiện các công việc chào hàng và bán hàng mở các cửa hàng và đại lý bán sản phẩm của công ty trong và ngoài thành phố ký các hợp đồng mua nguyên liệu và bán các sản phẩm với các bán hàng.

- Giao nhận hàng hoá phục vụ khách hàng kịp thời, thường xuyên mở rộng tiếp thị khách hàng trên thị trường trong nước để tạo ra các kênh phân phối hàng hoá của Công ty.

### **Trưởng phòng kinh doanh:**

- + Tham mưu cho giám đốc trong các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh.
- + Chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị về vai trò, nhiệm vụ được giao, trực tiếp điều hành quản lý phòng.
- + Đề ra nhiệm vụ cho từng cán bộ nhân viên trong phòng.
- + Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, ngắn hạn và báo cáo trực tiếp cho tổng giám đốc.
- + Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm, quý, tháng cho các đơn vị trong công ty.
- + Lập kế hoạch mua vật tư nguyên liệu đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty thực hiện tuyên truyền quảng cáo.
- + Báo cáo với giám đốc về tình hình chất lượng sản phẩm trong công ty.
- + Tìm kiếm đối tác và nguồn khách hàng mới cho công ty.
- + Tìm hiểu nhu cầu thị trường và mở rộng thị trường.
- + Đề ra chiến lược thích ứng cho từng thời kỳ và dự báo tình hình lên, xuống của thị trường qua từng năm.
- + Thiết lập mối quan hệ bạn hàng trong và ngoài nước.
- + Thực hiện các chương trình quảng cáo khuyến khích trưng sản phẩm.
- + Đánh giá và chấp nhận các nhà thầu.
- + Lập báo cáo thống kê theo quy định, báo cáo các cơ quan chức năng.

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

+ Soạn thảo và thực hiện các văn bản liên quan tới xây dựng và thực hiện duy trì hệ thống chất lượng.

### **❖ Phòng xuất nhập khẩu:**

- Tìm hiểu thị trường sắt, thép ống trong nước và quốc tế.
- Chịu trách nhiệm khai thác nguồn hàng từ nước ngoài.
- Theo dõi diễn biến thị trường, khai thác nguồn hàng, dự báo khả năng tiêu thụ, dự kiến các sản phẩm mới, xây dựng các hợp đồng bán hàng theo dõi thực hiện các hợp đồng bán hàng với khách hàng.

- Soạn thảo và duy trì các văn bản tài liệu liên quan đến việc mua bán hàng hoá với các đối tác nước ngoài .

### **❖ Phòng kế toán:**

- Phòng kế toán có nhiệm vụ lập ghi chép và phân loại sắp xếp các chứng từ kế toán, các hợp đồng kinh tế.

- Lập kế hoạch vay vốn và thực hiện các phương án vay vốn ngân hàng để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ sản xuất và kinh doanh của công ty.

- Ghi chép và cập nhật sổ sách phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh kịp thời, chính xác, lập báo cáo tài chính theo chế độ quản lý tài chính của Bộ tài chính ban hành và theo quy định của công ty theo định kỳ.

- Đảm bảo lưu trữ chứng từ của công ty theo quy định của Bộ tài chính và cơ quan thuế.

- Lập kế hoạch tài chính hàng tuần, tháng, quý, năm báo cáo ban giám đốc, hội đồng quản trị và cơ quan chức năng.

- Hướng dẫn các bộ phận lập chứng từ theo đúng quy định của công ty và theo hệ thống kế toán hiện hành.

- Kết hợp phòng kinh doanh đối chiếu và thu hồi công nợ đúng hạn.

### **2.1.3.Cơ cấu bộ máy sản xuất - Các xí nghiệp đơn vị**

#### **❖ Trụ sở chính**

✓ Địa chỉ: Km 89, đường 5 mới, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

✓ Tel: (031)3.589.036/36/38 \* (031)2.240.277

✓ Fax:(031)3 589036/3871371

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

✓ Đại diện: Ông Nguyễn Văn Thủy – Chủ tịch HĐQT

✓ Website: [www.thepmienbac.com.vn](http://www.thepmienbac.com.vn)

### **❖ Chi nhánh 1 thành phố Hải Phòng**

✓ Địa chỉ: Km 88, thôn Lương Quán, đường 5 mới, Nam Sơn, thành phố Hải Phòng.

✓ Tel & Fax:(031)3.598.039

### **❖ Chi nhánh 2 thành phố Hồ Chí Minh**

✓ Địa chỉ: Ngã tư An Suông, phường Trung Mỹ Tây, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

✓ Tel & Fax:(08)3.592.398

### **❖ Chi nhánh 3 thành phố Hải Phòng**

✓ Địa chỉ: số 4, đường Hồng Bàng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

✓ Tel & Fax:(031)3.536.517

#### **2.1.4.Đặc điểm bộ máy kế toán tại công ty:**

##### **2.1.4.1.Tổ chức công tác kế toán – Bộ máy kế toán:**

Hạch toán giữ vai trò vô cùng quan trọng trong việc điều hành và quản lý sản xuất kinh doanh, là công cụ hữu hiệu trong việc kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh tế tài chính trong đơn vị cơ sở cũng như toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Phòng kế toán của công ty cổ phần thép Miền Bắc là một bộ phận của công ty mang tính chất hoạt động theo một nghiệp vụ kinh tế có tính khoa học độc lập, trực tiếp chịu sự quản lý điều hành của chủ tịch điều hành, chịu sự giám sát kiểm tra của cơ quan tài chính và các cơ quan chức năng cấp trên của Nhà nước về mặt tài chính trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty.

##### **Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán:**

- Tổ chức mọi công việc kế toán để thực hiện đầy đủ có chất lượng các nội dung trong công việc kế toán của công ty.

- Hướng dẫn đôn đốc kiểm tra thực hiện đầy đủ kịp thời chứng từ kế toán của công ty.

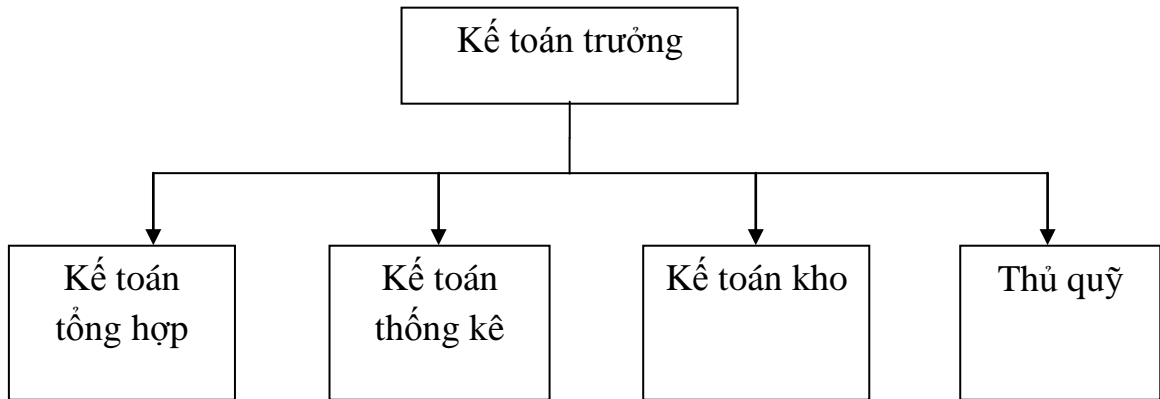
- Ngoài ra bộ máy kế toán còn phân công kiểm kê tài sản, tổ chức bảo quản, lưu trữ hồ sơ tài liệu theo đúng quy định.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Bộ máy kế toán của công ty gồm 4 người: 1 kế toán trưởng, 1 kế toán tổng hợp, 1 kế toán thống kê và 1 thủ quỹ kiêm kế toán kho.**

### Sơ đồ 2.2:

Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán:



#### ❖ **Kế toán trưởng:**

✓ Điều hành bộ máy kế toán của công ty, giúp Chủ tịch điều hành công ty tổ chức chỉ đạo toàn bộ công tác kế toán, nắm bắt thông tin kinh tế tài chính doanh nghiệp. Có nhiệm vụ quản lý phân công cụ thể về chức năng nhiệm vụ cho từng cán bộ thuộc phòng kế toán quản lý phù hợp với năng lực trình độ từng cán bộ.

✓ Lập kế hoạch vay vốn và thực hiện các phương án vay vốn ngân hàng để đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh của công ty.

✓ Kiểm tra các báo cáo tài chính và các chứng từ kế toán theo chế độ quản lý tài chính của bộ tài chính và quy chế của công ty theo định kỳ.

✓ Quản lý, theo dõi các hợp đồng mua bán, các hợp đồng kinh tế trong công ty.

✓ Đảm bảo lưu trữ chứng từ của công ty theo quy định phòng gian bảo mật.

✓ Lập kế hoạch tài chính hàng tuần, hàng tháng báo cáo chủ tịch điều hành để cân đối tình hình tài chính của đơn vị.

#### ❖ **Kế toán tổng hợp:**

✓ Giúp kế toán trưởng kiểm soát cập nhập hạch toán số liệu thông qua các chứng từ ghi chép ban đầu hợp pháp vào sổ sách kế toán có liên quan kịp thời, phải

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

đảm bảo độ tin cậy chính xác của số liệu báo cáo với kế toán trưởng nhằm giúp kế toán trưởng thường xuyên nắm bắt được tình hình tài chính trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh tạo tiền đề thực hiện tốt chế độ báo cáo tài chính của Bộ tài chính và các báo cáo quản trị của công ty được kịp thời.

- ✓ Theo dõi phản ánh chính xác, đầy đủ kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- ✓ Lập phiếu thu, phiếu chi, lập phiếu nhập, phiếu xuất hàng hoá, lập biên bản công nợ cho khách hàng, theo dõi công tác thuế, lập bảng kê khai thuế hàng tháng. Quản lý hoá đơn, viết hóa đơn bán hàng theo dõi cập nhập ghi chép vào sổ sách có liên quan đến nhập xuất hàng hoá sao cho cân đối đầu vào, đầu ra một cách hợp lý.

- ✓ Mở sổ chi tiết theo dõi tiền vay và tiền gửi ngân hàng. Thường xuyên liên hệ với ngân hàng để nắm bắt tình hình luân chuyển tiền trong tài khoản.

### **❖ Kế toán thống kê:**

- ✓ Lập hợp đồng kinh tế, lập báo giá bán hàng cho khách hàng, lập giấy giới thiệu cho các cán bộ công nhân viên trong công ty một cách kịp thời chính xác, đảm bảo nguyên tắc bảo mật trong kinh doanh.

- ✓ Theo dõi tình hình nhập xuất vật liệu xây dựng, theo dõi chi tiết chi phí xây dựng cơ bản.

- ✓ Mở sổ theo dõi công văn đi, công văn đến. Bảo mật các nội dung văn bản, công văn theo đúng nguyên tắc hành chính văn phòng.

- ✓ Quản lý con dấu và đóng dấu vào các văn bản của công ty.

### **❖ Kế toán kho:**

- ✓ Mở sổ kế toán chi tiết cho từng loại NVL theo yêu cầu quản lý, căn cứ vào phiếu nhập xuất NVL, phiếu thu, phiếu chi tiền có liên quan cập nhập ghi chép vào sổ kế toán chính xác kịp thời.

- ✓ Căn cứ vào nội dung xuất NVL sử dụng theo các đối tượng phân loại cuối lý tập hợp lập bảng nhập, xuất, tồn NVL theo quy định.

- ✓ Có trách nhiệm bảo quản lưu trữ các loại chứng từ liên quan và phiếu nhập xuất NVL gọn gàng, an toàn từng tháng, năm. Hàng tháng kế toán đối chiếu kiểm kê thực tế NVL tồn kho với thủ kho theo quy định.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ **Thủ quỹ:** Có nhiệm vụ cấp phát tiền, cân đối quỹ, có trách nhiệm bảo quản tiền mặt, nộp tiền vào ngân hàng thu chi tiền mặt, phát lương, tiền thưởng đến tận tay cán bộ công nhân viên, ghi chép vào sổ quỹ, báo cáo quỹ.

### 2.1.4.2. Chính sách, hình thức kế toán áp dụng:

- Chế độ kế toán áp dụng theo chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- Kỳ kế toán: Công ty áp dụng, lập và nộp báo cáo tài chính cho cơ quan Nhà nước theo kỳ kế toán năm, tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

- Hình thức kế toán: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán **Nhật ký chung**.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: đồng Việt Nam.

- Nguyên tắc và phương pháp quy đổi các đồng tiền khác: Theo tỷ giá hối đoái của ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.

- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: Công ty sử dụng phương pháp **khấu hao đường thẳng**.

- Phương pháp kế toán hàng tồn kho:

+ Nguyên tắc ghi nhận HTK: Giá gốc

+ Phương pháp tính giá trị HTK cuối kỳ: **Bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ**.

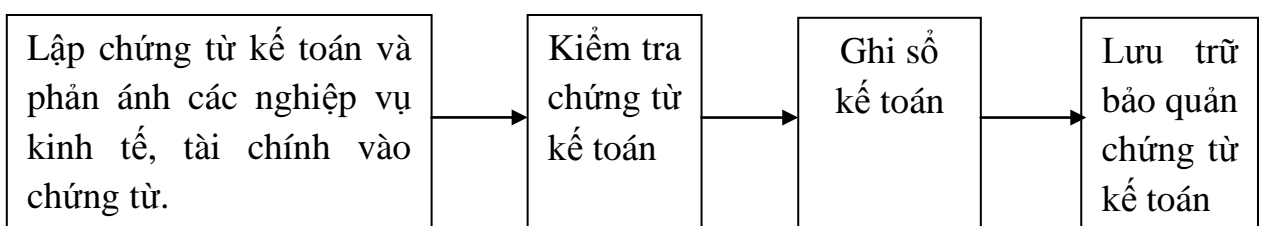
+ Phương pháp hạch toán HTK: Kê khai thường xuyên.

### 2.1.4.3. Hệ thống chứng từ kế toán:

Trình tự và thời gian luân chuyển chứng từ kế toán do kế toán trưởng đơn vị quy định. Chứng từ gốc do đơn vị lập ra hoặc từ bên ngoài vào đều phải tập trung vào bộ phận kế toán của công ty. Bộ phận kế toán kiểm tra kỹ những chứng từ đã xác minh là đúng thì mới dùng những chứng từ đó để ghi sổ kế toán.

#### Sơ đồ 2.3:

Trình tự luân chuyển chứng từ





Hệ thống chứng từ doanh nghiệp đang áp dụng theo chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

#### **2.1.4.4. Hệ thống tài khoản kế toán:**

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản theo quy định trong chế độ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, công ty đã tiến hành nghiên cứu, vận dụng và chi tiết hóa hệ thống tài khoản kế toán nhưng phù hợp với nội dung, kết cấu và phương pháp hạch toán của các tài khoản tổng hợp tương ứng.

#### **2.1.4.5. Hệ thống sổ sách kế toán chủ yếu gồm:**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ nhật ký đặc biệt: Dùng để ghi các loại nghiệp vụ phát sinh nhiều lần trong kỳ.
- Sổ cái
- Các sổ kế toán chi tiết.

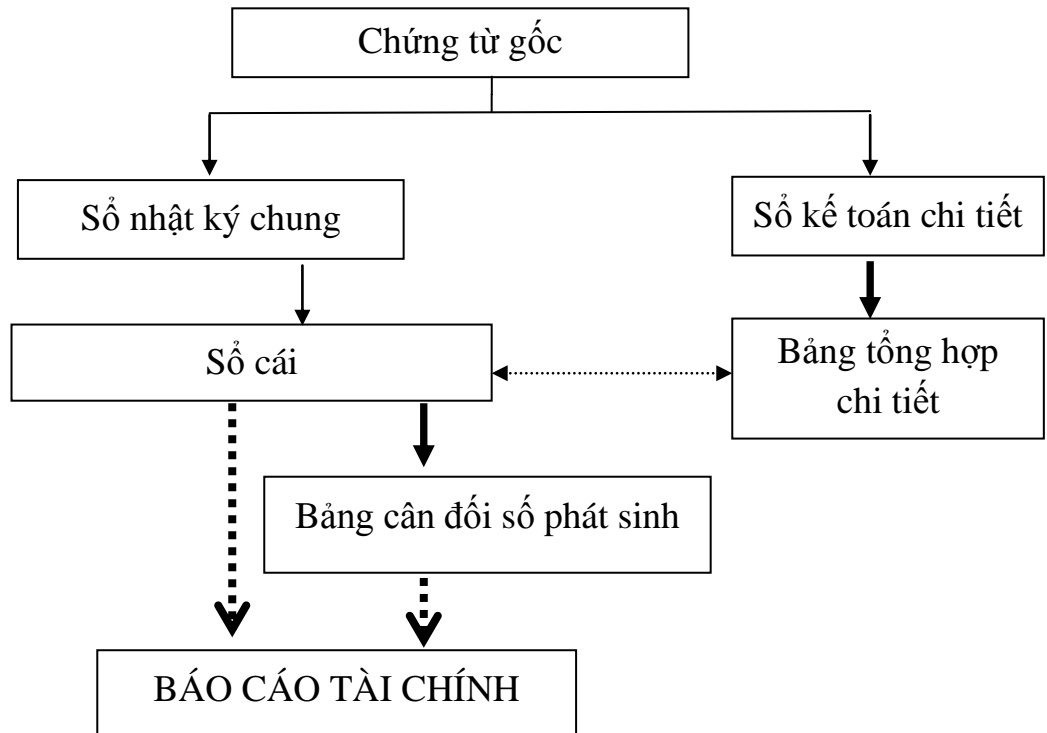
Sổ kế toán dùng để ghi chép, hệ thống và lưu giữ toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính đã phát sinh theo nội dung kinh tế và theo trình tự thời gian có liên quan đến doanh nghiệp.

Doanh nghiệp sử dụng hệ thống sổ kế toán theo hình thức kế toán **Nhật ký chung**. Hình thức này tách rời hạch toán theo thời gian và theo hệ thống trên 2 loại sổ khác nhau, tách rời hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên 2 loại sổ khác nhau. Đối với loại hình sổ kế toán này công ty cần phải lập bảng cân đối số phát sinh để kiểm tra số liệu trước khi lập báo cáo kế toán vì sổ cái của mỗi tài khoản được phản ánh riêng trên 1 vài trang sổ.



**Sơ đồ 2.4:**

**Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung.**



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày:           →
- Ghi cuối tháng:           →
- Đối chiếu, kiểm tra:     ←.....→
- Ghi cuối năm:           .....→

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế ( định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ phát sinh, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ cái. Các số liệu liên quan đến các sổ kế toán chi tiết cũng được đồng thời ghi vào các sổ chi tiết tương ứng. Cuối quý, năm cộng các số liệu trên sổ cá, tính số dư để lập bảng cân đối tài khoản. Các số liệu trên sổ kế toán chi tiết cũng được tổng hợp để lập ra các Bảng tổng hợp chi tiết. Các số liệu sau khi kiểm tra thấy khớp và đúng sẽ được sử dụng để lập Báo cáo kế toán.

### **2.1.4.6. Hệ thống báo cáo kế toán:**

Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán: Mẫu số B01 – DNN
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: Mẫu số B02 – DNN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Mẫu số B03 – DNN
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính: Mẫu số B09 – DNN
- Bảng cân đối tài khoản: Mẫu số F01 – DNN

Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Bản thuyết minh báo cáo tài chính là báo cáo bắt buộc, gửi cho cơ quan thuế phải lập và gửi thêm phụ biểu là Bảng cân đối tài khoản.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là báo cáo không bắt buộc mà khuyến khích lập.

Đối với công ty cổ phần thì thời hạn nộp Báo cáo tài chính năm chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính..

### **2.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thép Miền Bắc.**

#### **2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

##### **2.2.1.1. Xác định doanh thu:**

- là một doanh nghiệp kinh doanh thương mại, Công ty cổ phần thép Miền Bắc có doanh thu chủ yếu từ cung cấp các sản phẩm thép.
- Công ty bán hàng theo phương thức trực tiếp. Theo phương thức này, bên khách hàng ủy quyền cho cán bộ nghiệp vụ đến doanh nghiệp nhận hàng ( chứng thư). Khách hàng sau khi ký nhận vào chứng thư bán hàng của doanh nghiệp thì hàng hóa được xác định là đã bán ( hàng hóa đã chuyển quyền sở hữu).
- Công ty đang áp dụng hình thức tiêu thụ trực tiếp và hai hình thức thanh toán:
  - + Hình thức thanh toán ngay: khi công ty cung cấp dịch vụ cho khách hàng, công ty thu được tiền ngay ( tiền mặt, tiền gửi ngân hàng...)
  - + Hình thức thanh toán chậm: khi công ty cung cấp dịch vụ cho khách hàng, công ty chưa thu được tiền ngay, vì vậy kế toán phải theo dõi công nợ phải thu qua sổ chi tiết TK131, sổ tổng hợp chi tiết TK131, sổ cái TK131...

### 2.2.1.2. Tổ chức tài khoản, chứng từ và sổ sách sử dụng:

Trong năm 2009, công ty chỉ phát sinh nghiệp vụ doanh thu bán hàng hóa – Tài khoản 5111, không phát sinh nghiệp vụ doanh thu cung cấp dịch vụ - Tài khoản 5113.

#### a. Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
  - . *TK5111: doanh thu bán hàng hoá.*
- Tài khoản 333
- Tài khoản 111, 112, 131
- Và các tài khoản khác có liên quan.

#### b. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu thu
- Và các chứng từ khác có liên quan

#### c. Sổ kế toán sử dụng:

Hàng ngày, hàng tháng diễn ra rất nhiều các nghiệp vụ kinh tế, vì vậy thay vì ghi sổ cái cho Tài khoản 511 và ghi Sổ chi tiết cho Tài khoản 5111, công ty ghi Sổ cái cho Tài khoản 5111.

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 5111
- Sổ cái tài khoản 333, 111, 112, 131,...
- Và các sổ kế toán khác có liên quan...

### 2.2.1.3. Quy trình hạch toán:

- Đối với hoạt động bán hàng, trước hết căn cứ vào hợp đồng mua bán ( nếu có) hoặc căn cứ vào thỏa thuận mua bán của khách hàng, kế toán sẽ viết hóa đơn GTGT sau đó chuyển xuống thủ kho để lập phiếu xuất kho.

- Đối với các hoạt động cung ứng dịch vụ, kế toán cũng căn cứ vào các hợp đồng về cung ứng dịch vụ để làm quyết toán và viết hóa đơn GTGT cho khách hàng khi kết thúc hợp đồng.

Khi phát sinh nghiệp vụ kế toán, kế toán tiến hành viết hóa đơn GTGT cho khách hàng.

- Hóa đơn GTGT:
  - + Liên 1: Màu tím, lưu tại cuống gốc để tại phòng kế toán.
  - + Liên 2: Màu đỏ, chuyển cho khách hàng làm chứng từ thanh toán.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Liên 3: Màu xanh, làm căn cứ bàn hàng và giao cho kế toán hạch toán nghiệp vụ bán hàng.

Thủ quỹ sau khi thu tiền chuyển chứng từ cho kế toán, kế toán sau khi kiểm tra lại các thông tin thì nhập dữ liệu vào máy tính, in ra phiếu thu.

• Đối với phiếu thu, khi khách hàng nộp tiền kế toán lập 2 liên:

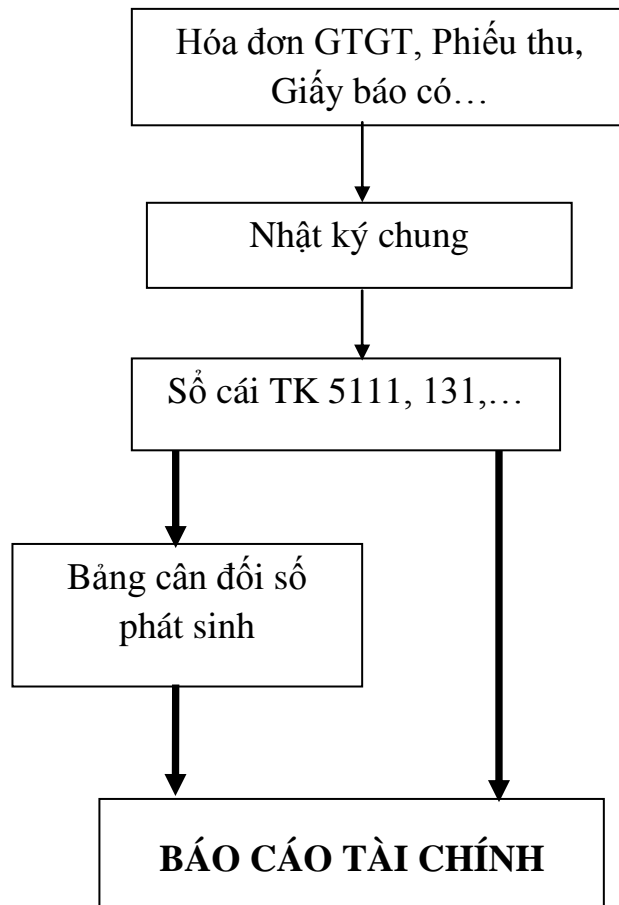
+ Liên 1: Lưu tại phòng kế toán làm căn cứ để nhập dữ liệu vào sổ sách liên quan.

+ Liên 2: Giao cho khách hàng.

- Kế toán căn cứ vào Hóa đơn GTGT, phiếu xuất để viết phiếu thu và phản ánh vào sổ kế toán

### Sơ đồ 2.5:

#### Quy trình luân chuyển chứng từ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$
- Ghi cuối tháng, cuối năm:  $\longrightarrow$
- Đối chiếu, kiểm tra:  $\longleftrightarrow$

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

**Ví dụ 01:** Ngày 31/12/2009, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0036782, xuất bán 1000kg thép ống đúc 168 cho công ty Viên Khanh với tổng tiền thanh toán là 11.220.000 đồng, thuế GTGT 10%, thu bằng tiền mặt, đơn giá xuất là 6.906,164đ/kg.

Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

- Kế toán viết Hóa đơn GTGT ( biểu số 01)
- Kế toán định khoản giá bán:

Nợ TK 111: 11.220.000

Có TK 5111: 10.200.000

Có TK 3331: 1.020.000

- Kế toán viết Phiếu thu tiền mặt ( biểu số 02)
- Kế toán vào sổ Nhật ký chung ( biểu số 03)
- Kế toán ghi Sổ cái tài khoản 5111 ( biểu số 04)
- Và các sổ sách kế toán khác có liên quan...

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

### Biểu số 01:

### HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01 GTKT-3LL  
NL/2009B  
**0036782**

Liên 3: Nội bộ

*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*

Đơn vị bán hàng: công ty cổ phần thép Miền Bắc
Địa chỉ: km 89 – Đường 5 mới – Hồng Bàng – TP Hải Phòng
Số điện thoại:
Số tài khoản: 0200643618

Họ tên người mua hàng:	
Đơn vị: <b>Công ty Viên Khanh</b>	
Địa chỉ: E1B Tổ 91 phường Cây Giầy, Đống Đa, Hà Nội	
Số tài khoản:	
Hình thức thanh toán: TM	MST: 0101558645

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	I	2	$3 = I \times 2$
1	Thép ống đúc 168	kg	1000	10.200	10.200.000

Cộng tiền hàng: 10.200.000

Thuế GTGT: 10%      Tiền thuế GTGT: 1.020.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 11.220.000

Số tiền bằng chữ: *mười một triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng chẵn*

<b>Người mua hàng</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Thủ trưởng đơn vị</b>
<i>(Ký, ghi rõ họ, tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ, tên)</i>	<i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)</i>

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

### **Biểu số 02:**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MIỀN BẮC

Mẫu số 02 – TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ Tài chính)

**PHIẾU THU** số: 995

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Nợ TK1111 : 11.220.000

Có TK511: 10.200.000

Có TK3331: 1.020.000

**Họ tên người nộp tiền:** *Hoàng Thị Châu Loan*

**Địa chỉ:** thủ quỹ

**Lý do thu:** thu tiền hàng bán thép ống đúc 168 của công ty Viên Khanh

**Số tiền: 11.220.000** đồng (**viết bằng chữ**): *mười một triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng chẵn*

**Chứng từ kèm theo:**

**chứng từ gốc**

**Ngày...tháng...năm...**

**Giám đốc**  
(ký, họ tên, đóng dấu)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Người lập phiếu**  
(ký, họ tên)

**Người nộp tiền**  
(ký, họ tên)

**Thủ quỹ**  
(ký, họ tên)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 03:

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MIỀN BẮC

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Quý 4 năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỨNG TỪ GỐC			DIỄN GIẢI	TÀI KHOẢN		SỐ TIỀN
M H	Ngày	Số		NỢ	CÓ	
A	B	C	D	E	F	G
...	...	...	.....	...	...	.....
PC		891	Thanh toán cước vận chuyển cho công ty cổ phần vận tải Trường An	64121	1111	7.600.000
PC		891	Thanh toán cước vận chuyển cho công ty cổ phần vận tải Trường An	133	1111	380.000
NH 1	26/12	96	Trả tiền lãi vay cho ngân hàng TMCP Quân đội	635	1121	4.635.328
PT	27/12	968	Rút Sec TM NH Sacombank	1111	1125	305.000.000
NH 2	27/12	562	Trả nợ gốc vay lô 1200T tôn cuộn nội địa	311	1122	600.000.000
HD	28/12	36878	Bán thép cuộn cán nóng 4.25ly – Cty TNHH Nội thất 190	131	5111	160.445.490
HD	28/12	36878	Bán thép cuộn cán nóng 4.25ly – Cty TNHH Nội thất 190	131	3331	16.044.549
PX	28/12	545	Bán thép cuộn cán nóng 4.25ly – Cty TNHH Nội thất 190	632	156	225.923.131
PC	28/12	892	Mua dây điện bọc	6423	1111	2.313.000



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

PC	29/12	893	Thanh toán tiền mua thiết bị văn phòng – Cửa hàng Hoàng Cường	6423	1111	13.000.000
PC	29/12	893	Thanh toán tiền mua thiết bị văn phòng – Cửa hàng Hoàng Cường	133	1111	1.300.000
...	...	...	.....	...	...	.....
NH 10	31/12	115	Lãi tiền gửi NH Công Thương	1120	515	1.485.000
<b>PT</b>	<b>31/12</b>	<b>995</b>	<b>Thu tiền bán thép ống đúc 168 - Cty Viên Khanh</b>	<b>1111</b>	<b>5111</b>	<b>10.200.000</b>
<b>PT</b>	<b>31/12</b>	<b>995</b>	<b>Thu tiền bán thép ống đúc 168 - Cty Viên Khanh</b>	<b>1111</b>	<b>3331</b>	<b>1.020.000</b>
PX	31/12	602	Thu tiền bán thép ống đúc 168 - Cty Viên Khanh	632	156	6.906.164
...	...	...	.....	...	...	.....
			<b>CỘNG</b>			<b>777.740.166.461</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*

**NGƯỜI LẬP**

*(ký, họ tên)*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

*(ký, họ tên)*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(ký, họ tên)*

*(Trích sổ Nhật ký chung Quý 4 năm 2009)*

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 04:

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MIỀN BẮC

## SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa

Quý 4 năm 2009

Đơn vị tính: VND

NT ghi số	CT		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
...	...	...	.....	...	.....	.....
28/12	HD36878	28/12	Bán thép cuộn cán nóng 4.25ly – Cty TNHH Nội thất 190	131		160.445.490
<b>31/12</b>	<b>HD36782</b>	<b>31/12</b>	<b>Bán Thép ống đúc 168- Cty Viên Khanh</b>	<b>111</b>		<b>10.200.000</b>
...	...	...	.....	...	.....	.....
31/12			Kết chuyển DTBH để xác định kết quả kinh doanh	911	98.512.496.000	
			Cộng phát sinh		98.512.496.000	98.512.496.000
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGƯỜI LẬP

(ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(ký, họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký, họ tên)

(Trích Sổ cái TK 5111 Quý 4 năm 2009)

### 2.2.2. Kế toán Giá vốn hàng bán.

Công ty cổ phần thép Miền Bắc là công ty thương mại nên Giá vốn hàng bán là toàn bộ giá mua và chi phí có liên quan để có được hàng hóa đó.

#### a. Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán
- Tài khoản 156 – Hàng hóa
- Tài khoản khác có liên quan

#### b. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu nhập kho ( 01-VT)
- Phiếu xuất kho (02-VT): trong trường hợp hàng hóa nhập lại kho.

#### c. Sổ sách sử dụng:

- Nhật ký chung
- Sổ cái TK 632
- Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn
- Và các sổ cái các tài khoản khác có liên quan

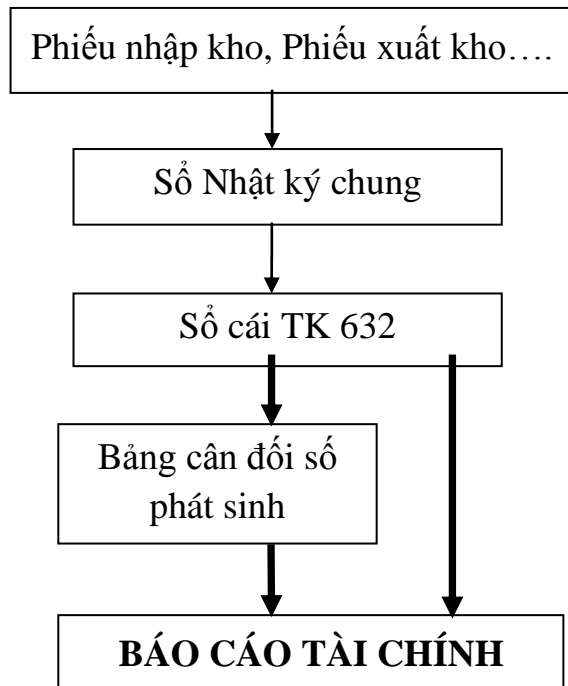
#### d. Quy trình hạch toán:

Để thuận tiện cho việc quản lý và yêu cầu hạch toán, công ty đã áp dụng tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

Khi khách hàng có nhu cầu mua hàng kế toán sẽ viết hóa đơn GTGT sau đó chuyển xuống thủ kho để lập phiếu xuất kho.

Sơ đồ 2.7:

**Quy trình luân chuyển chứng từ Giá vốn hàng bán**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$
- Ghi cuối tháng, cuối năm:  $\longrightarrow$

**Ví dụ 02:** (tiếp của **Ví dụ 01**): Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh của **Ví dụ 01**

Đơn giá xuất = 6.906,164 đ

Trị giá vốn = 6.906.164 đ

Số lượng thép ống đúc 168 tôn đầu kỳ là 9.500 kg

Trị giá thép ống đúc 168 tôn đầu kỳ là 70.536.562 đ

Số lượng thép ống đúc 168 nhập trong kỳ là 26.000 kg

Trị giá thép ống đúc 168 nhập trong kỳ là 174.632.260 đ

Đơn giá xuất bình quân trong kỳ sẽ được tính như sau:

$$\frac{70.536.562 + 174.632.260}{9.500 + 26.000} = 6.906,164 \text{ (đ/kg)}$$

Vậy đơn giá xuất ngày 31/12 là 6.906.164 đ/kg

Trị giá vốn = 6.906,164 x 1.000 = 6.906.164 đ

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

- Kế toán lập Phiếu xuất kho ( biểu số 05) có kèm biên bản giao nhận vật tư hàng hóa ( biểu số 06)
- Kế toán định khoản giá vốn hàng bán:
  - Nợ TK 632: 6.906.164
  - Có TK 156: 6.906.164
- Kế toán ghi sổ:
  - + Sổ Nhật ký chung ( biểu số 03)
  - + Sổ cái TK632 (biểu số 07)
  - + Và các sổ kế toán khác có liên quan...

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### **Biểu số 05:**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MIỀN BẮC

Mẫu số 02 – VT  
Theo QĐ: 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20 tháng 3 năm 2006 của  
Bộ trưởng Bộ Tài Chính

### **PHIẾU XUẤT KHO**

*Số: 602*

*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*

-Xuất cho Ông (bà): ***Công ty Viên Khanh***

-Địa chỉ:

-Nội dung: Bán thép ống đúc 168 – Công ty Viên Khanh

Xuất những mặt hàng liệt kê dưới đây:

STT	VẬT TƯ - HÀNG HÓA					ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	
	Mã hiệu	Tên-Nhãn hiệu-Quy cách	đvt	Số lượng	Thực xuất			
1	TO168	Thép ống đúc 168	kg	1000		6.906,164	6.906.164	
<b>TỔNG CỘNG:</b>								6.906.164

Bằng chữ: *Sáu triệu chín trăm linh sáu ngàn một trăm sáu mươi bốn đồng*

**Người nhận      Thủ kho      Người lập phiếu      Kế toán      Giám đốc**

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### Biểu số 06:

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MIỀN BẮC

### **BIÊN BẢN GIAO NHẬN VẬT TƯ, HÀNG HÓA**

*Hôm nay ngày 31 tháng 12 năm 2009*

Số:...

**Bên A ( Bên giao hàng): CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MIỀN BẮC**

**Địa chỉ:** km 89 – Đường 5 mới – Hồng Bàng – TP Hải Phòng

**Điện thoại:** (031) 3589038/2240277

**Fax:** (031)353651

**Người đại diện:** Vũ Duy Đan

**Chức vụ:** thủ kho

**Bên B ( Bên nhận hàng): CÔNG TY VIÊN KHANH**

**Địa chỉ:** E1B Tổ 91 phường Cây Giầy, Đống Đa, Hà Nội

**Người đại diện:** Nguyễn Văn Minh

**Chức vụ:** cán bộ vật tư

**Hai bên cùng tiến hành lập biên bản giao nhận vật tư hàng hóa như sau :**

STT	Tên hàng và quy cách	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thép ống đúc 168	kg	1000	10.200	10.200.000
	Tổng cộng		1000		10.200.000

Số tiền ( ghi bằng chữ): Mười triệu hai trăm nghìn đồng chẵn.

Bên B đã thanh toán cho bên A số tiền là: tiền mặt

Bên B còn nợ bên A số tiền là : 0 đồng

Thời hạn thanh toán chậm nhất vào ngày .... nếu quá thời hạn bên B phải chịu lãi xuất ngân hàng tại thời điểm quy định nhưng không quá 10 ngày. Quá 10 ngày hai bên phải nhờ đến pháp luật Nhà nước giải quyết

Biên bản lập xong vào hồi....giờ....ngày 31/12/2009

**Đ.D BÊN NHẬN HÀNG**

*(Ký ghi rõ họ tên)*

**Đ.D BÊN GIAO HÀNG**

*(Ký ghi rõ họ tên)*



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### **Biểu số 03:**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MIỀN BẮC

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

*Quý 4 năm 2009*

*Đơn vị tính: VND*

CHỨNG TỪ GỐC			DIỄN GIẢI	TÀI KHOẢN		SỐ TIỀN
M H	Ngày	Số		NỢ	CÓ	
A	B	C	D	E	F	G
...	...	...	.....	...	...	.....
PC		891	Thanh toán cước vận chuyển cho công ty cổ phần vận tải Trường An	64121	1111	7.600.000
PC		891	Thanh toán cước vận chuyển cho công ty cổ phần vận tải Trường An	133	1111	380.000
NH 1	26/12	96	Trả tiền lãi vay cho ngân hàng TMCP Quân đội	635	1121	4.635.328
PT	27/12	968	Rút Sec TM NH Sacombank	1111	1125	305.000.000
NH 2	27/12	562	Trả nợ gốc vay lô 1200T tôn cuộn nội địa	311	1122	600.000.000
HD	28/12	36878	Bán thép cuộn cán nóng 4.25ly – Cty TNHH Nội thất 190	131	5111	160.445.490
HD	28/12	36878	Bán thép cuộn cán nóng 4.25ly – Cty TNHH Nội thất 190	131	3331	16.044.549
PX	28/12	545	Bán thép cuộn cán nóng 4.25ly – Cty TNHH Nội thất 190	632	156	225.923.131
PC	28/12	892	Mua dây điện bọc	6423	1111	2.313.000
PC	29/12	893	Thanh toán tiền mua thiết bị văn phòng – Cửa hàng Hoàng Cường	6423	1111	13.000.000

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

PC	29/12	893	Thanh toán tiền mua thiết bị văn phòng – Cửa hàng Hoàng Cường	133	1111	1.300.000
...	...	...	.....	...	...	.....
NH 10	31/12	115	Lãi tiền gửi NH Công Thương	1120	515	1.485.000
PT	31/12	995	Thu tiền bán thép ống đúc 168 - Cty Viên Khanh	1111	5111	10.200.000
PT	31/12	995	Thu tiền bán thép ống đúc 168 - Cty Viên Khanh	1111	3331	1.020.000
<b>PX</b>	<b>31/12</b>	<b>602</b>	<b>Thu tiền bán thép ống đúc 168 - Cty Viên Khanh</b>	<b>632</b>	<b>156</b>	<b>6.906.164</b>
...	...	...	.....	...	...	.....
			CỘNG			777.740.166.461

*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*

**NGƯỜI LẬP**

*(ký, họ tên)*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

*(ký, họ tên)*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(ký, họ tên)*

*(Trích sổ Nhật ký chung Quý 4 năm 2009)*

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 07:

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MIỀN BẮC

## SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Quý 4 năm 2009

Đơn vị tính: VND

NT ghi số	CT		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
...	...	...	.....	...	.....	.....
28/12	PX545	28/12	Xuất thép cuộn cán nóng 4.25ly – Cty TNHH Nội thất 190	156	225.923.131	
<b>31/12</b>	<b>PX602</b>	<b>31/12</b>	<b>Xuất thép ống đúc 168 – Cty Viên Khanh</b>	<b>156</b>	<b>6.906.164</b>	
...	...	...	.....	...	.....	.....
31/12			Kết chuyển GVHB để xác định kết quả kinh doanh	911		92.512.652.145
			Cộng phát sinh		92.512.652.145	92.512.652.145
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGƯỜI LẬP

(ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(ký, họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký, họ tên)

(Trích Sổ cái TK632 Quý 4 năm 2009)

**2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.**

Chi phí bán hàng của công ty cổ phần thép Miền Bắc bao gồm các khoản chi phí tiếp thị, giới thiệu sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài như chi phí vận chuyển ... Chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty bao gồm: Chi phí lương của toàn bộ cán bộ công nhân viên của công ty, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác như tiền điện, nước, điện thoại, ...)

**a. Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 641- Chi phí bán hàng

Một số tiểu khoản như:

TK 6411- Chi phí tiếp thị

TK 64121- Chi phí cước vận chuyển

....

- Tài khoản 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp

Một số tiểu khoản như:

TK 6421- Chi phí nhân viên

TK 6423- Chi phí công cụ dụng cụ

TK 6424- Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6425- Thuế, phí, lệ phí

TK 6427- Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 64281- Chi phí tiền điện.

TK 64282- Chi phí tiền nước.

TK 64283- Chi phí điện thoại.

...

- Và các tài khoản có liên quan như tài khoản 111, 112, 133,...

**b. Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu chi
- Bảng chấm công...
- Và các chứng từ khác có liên quan...

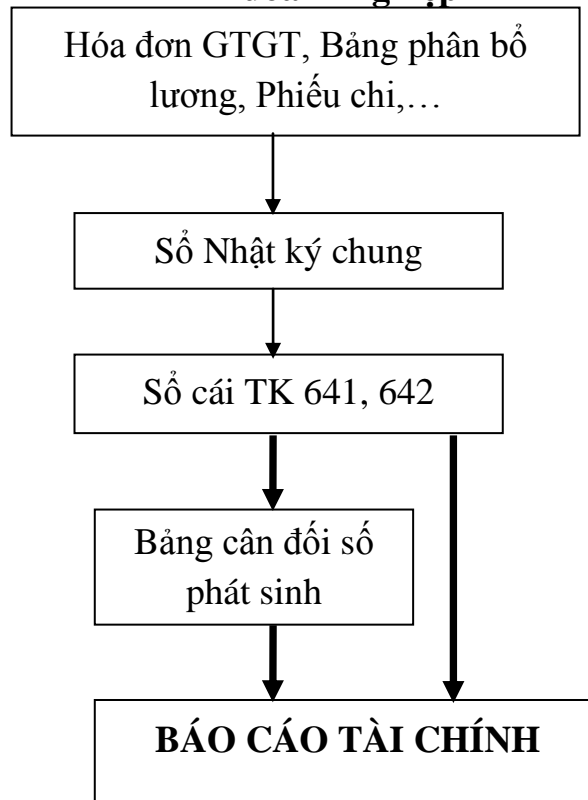
**c.Sổ sách kế toán sử dụng:**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 641, 642
- Và các sổ kế toán có liên quan...

**d.Quy trình hạch toán:**

**Sơ đồ 2.8:**

**Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: —————→
- Ghi cuối tháng, cuối năm: —————→

**Ví dụ 03:** Ngày 26/12, Công ty cổ phần thép Miền Bắc sử dụng dịch vụ vận chuyển hàng hóa của công ty cổ phần vận tải Trường An theo hóa đơn GTGT số 0035289.

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT ( biểu số 08), kế toán lập phiếu chi ( biểu số 09) thanh toán tiền cước vận chuyển với tổng số tiền thanh toán là 7.980.000 đ (thuế GTGT 5%).
- Kế toán hạch toán:

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Nợ TK 64121: 7.600.000

Nợ TK 133: 380.000

Có TK 1111: 7.980.000

- Kế toán ghi Sổ Nhật ký chung ( biểu số 03)
- Kế toán ghi Sổ cái TK 641 ( biểu số 10)
- Và các sổ kế toán khác có liên quan....

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu số 08:**

**HÓA ĐƠN (GTGT)**

Liên 2: Khách hàng

Ngày 26 tháng 12 năm 2009

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

HD/2009B

**0035289**

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần vận tải Trường An

Địa chỉ: Lương Quán – Nam Sơn – Hải Phòng

Số điện thoại:

Số tài khoản: 0200962032

Họ tên người mua hàng: Lê Hữu Sáng

Đơn vị: công ty cổ phần thép Miền Bắc

Địa chỉ: Km 89 – Đường 5 mới – Hồng Bàng – TP Hải Phòng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TM

MST: 0200643618

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Vận chuyển thép cuộn chính phẩm vào Nghệ An	Tấn	20	380.000	7.600.000

Cộng tiền hàng: 7.600.000

Thuế GTGT: 10%      Tiền thuế GTGT: 380.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 7.980.000

Số tiền bằng chữ: *bảy triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.*

**Người mua hàng**

**Kế toán trưởng**

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### Biểu số 09:

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MIỀN BẮC

Mẫu số 02 – TT  
QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20 tháng 3 năm 2006  
của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

**PHIẾU CHI** số: 891

Ngày 26 tháng 12 năm 2009

Nợ TK641: 7.600.000 đồng

Nợ TK133: 380.000 đồng

Có TK111: 7.980.000 đồng

**Họ tên người nộp tiền:** *Hoàng Thị Châu Loan*

**Địa chỉ:** thủ quỹ

**Lý do chi:** Thanh toán tiền cước vận chuyển

**Số tiền: 7.980.000 (viết bằng chữ):** bảy triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.

**Chứng từ kèm theo:** chứng từ gốc

**Ngày 26 tháng 12 năm 2009**

<b>Giám đốc</b> (ký, họ tên, đóng dấu)	<b>Kế toán trưởng</b> (ký, họ tên)	<b>Người lập phiếu</b> (ký, họ tên)	<b>Người nộp tiền</b> (ký, họ tên)	<b>Thủ quỹ</b> (ký, họ tên)
---	---------------------------------------	--	---------------------------------------	--------------------------------



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### **Biểu số 03:**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MIỀN BẮC

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

*Quý 4 năm 2009*

*Đơn vị tính: VND*

CHỨNG TỪ GỐC			DIỄN GIẢI	TÀI KHOẢN		SỐ TIỀN
MH	Ngày	Số		NỢ	CÓ	
A	B	C	D	E	F	G
...	...	...	.....	...	...	.....
PC		891	Thanh toán cước vận chuyển cho công ty cổ phần vận tải Trường An	64121	1111	7.600.000
PC		891	Thanh toán cước vận chuyển cho công ty cổ phần vận tải Trường An	133	1111	380.000
NH 1	26/12	96	Trả tiền lãi vay cho ngân hàng TMCP Quân đội	635	1121	4.635.328
PT	27/12	968	Rút Sec TM NH Sacombank	1111	1125	305.000.000
NH 2	27/12	562	Trả nợ gốc vay lô 1200T tôn cuộn nội địa	311	1122	600.000.000
HD	28/12	36878	Bán thép cuộn cán nóng 4.25ly – Cty TNHH Nội thất 190	131	5111	160.445.490
HD	28/12	36878	Bán thép cuộn cán nóng 4.25ly – Cty TNHH Nội thất 190	131	3331	16.044.549
PX	28/12	545	Bán thép cuộn cán nóng 4.25ly – Cty TNHH Nội thất 190	632	156	225.923.131
PC	28/12	892	Mua dây điện bọc	6423	1111	2.313.000
PC	29/12	893	Thanh toán tiền mua thiết bị văn phòng – Cửa hàng Hoàng Cường	6423	1111	13.000.000
PC	29/12	893	Thanh toán tiền mua thiết bị văn phòng – Cửa hàng Hoàng Cường	133	1111	1.300.000

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

...	...	...	.....	...	...	.....
NH 10	31/12	115	Lãi tiền gửi NH Công Thương	1120	515	1.485.000
PT	31/12	995	Thu tiền bán thép ống đúc 168 - Cty Viên Khanh	1111	5111	10.200.000
PT	31/12	995	Thu tiền bán thép ống đúc 168 - Cty Viên Khanh	1111	3331	1.020.000
PX	31/12	602	Thu tiền bán thép ống đúc 168 - Cty Viên Khanh	632	156	6.906.164
...	...	...	.....	...	...	.....
			CỘNG			777.740.166.461

*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*

**NGƯỜI LẬP**

*(ký, họ tên)*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

*(ký, họ tên)*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(ký, họ tên)*

*(Trích sổ Nhật ký chung Quý 4 năm 2009)*

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## **Biểu số 10:**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MIỀN BẮC

## **SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

**Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng**

*Quý 4 năm 2009*

*Đơn vị tính: VND*

NT ghi số	CT		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
...	...	...	.....	...	.....	.....
<b>26/12</b>	<b>PC891</b>	<b>26/12</b>	<b>Thanh toán cước vận chuyển cho công ty cổ phần vận tải Trường An</b>	<b>1111</b>	<b>7.600.000</b>	
...	...	...	.....	...	.....	.....
31/12			Kết chuyển CPQL để xác định kết quả kinh doanh	911		650.586.962
			Cộng phát sinh		650.586.962	650.586.962
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

*Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2009*

**NGƯỜI LẬP**

*(ký, họ tên)*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

*(ký, họ tên)*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(ký, họ tên)*

*(Trích Sổ cái TK 642 Quý 4 năm 2009)*

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

**Ví dụ 04:** Ngày 29 tháng 12 năm 2009, công ty mua thiết bị văn phòng của cửa hàng Hoàng Xuân theo giá mua bao gồm cả thuế GTGT 10% là 14.300.000 đồng, đã thanh toán bằng tiền mặt.

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0029368 ( biểu số 011), kế toán lập phiếu chi ( biểu số 12) thanh toán tiền mua thiết bị văn phòng với tổng số tiền thanh toán là 14.300.000 đ ( thuế GTGT 10%).
- Kế toán hạch toán:
  - Nợ TK 6427: 13.000.000
  - Nợ TK 133: 1.300.000
  - Có TK 1111: 14.300.000
- Kế toán ghi Sổ Nhật ký chung ( biểu số 03)
- Kế toán ghi Sổ cái TK 642 ( biểu số 13)
- Và các sổ kế toán khác có liên quan....

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### Biểu số 11:

**HÓA ĐƠN (GTGT)**

Liên 2: Khách hàng

Ngày 29 tháng 12 năm 2009

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

NL/2009B

**0029368**

Đơn vị bán hàng: Cửa hàng Hoàng Xuân

Địa chỉ: Số 115 – Tô Hiệu – Hải Phòng

Số điện thoại:

Số tài khoản: 0200643618

Họ tên người mua hàng: Lê Hữu Sáng

Đơn vị: công ty cổ phần thép Miền Bắc

Địa chỉ: Km 89 – Đường 5 mới – Hồng Bàng – TP Hải Phòng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TM

MST: 0200643618

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	I	2	$3 = I \times 2$
1	Giấy in	Tờ	7500	130	975.000
2	Bàn vi tính	cái	8	950.000	7.600.000
3	Ghế tựa	cái	15	2950.000	4.425.000

Cộng tiền hàng: 13.000.000

Thuế GTGT: 10%      Tiền thuế GTGT: 1.300.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 14.300.000

Số tiền bằng chữ: *mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng*

**Người mua hàng**

**Kế toán trưởng**

**Thủ trưởng đơn vị**

*(Ký, ghi rõ họ, tên)*

*(Ký, ghi rõ họ, tên)*

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)*

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### Biểu số 12:

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MIỀN BẮC

Mẫu số 02 – TT  
QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20 tháng 3 năm 2006  
của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

### **PHIẾU CHI** số: 893

Ngày 29 tháng 12 năm 2009

Nợ TK642: 13.000.000 đồng

Nợ TK133: 1.300.000 đồng

Có TK111: 14.300.000 đồng

Họ tên người nộp tiền: *Hoàng Thị Châu Loan*

Địa chỉ: thủ quỹ

Lý do chi: Thanh toán tiền mua thiết bị văn phòng

Số tiền: **14.300.000**(viết bằng chữ): *mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng*

Chứng từ kèm theo:

chứng từ gốc

Ngày 29 tháng 12 năm 2009

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nộp tiền	Thủ quỹ
(ký, họ tên, đóng dấu)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### **Biểu số 03:**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MIỀN BẮC

### **SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

*Quý 4 năm 2009*

*Đơn vị tính: VND*

CHỨNG TỪ GỐC			DIỄN GIẢI	TÀI KHOẢN		SỐ TIỀN
MH	Ngày	Số		NỢ	CÓ	
A	B	C	D	E	F	G
...	...	...	.....	...	...	.....
PC		891	Thanh toán cước vận chuyển cho công ty cổ phần vận tải Trường An	64121	1111	7.600.000
PC		891	Thanh toán cước vận chuyển cho công ty cổ phần vận tải Trường An	133	1111	380.000
NH 1	26/12	96	Trả tiền lãi vay cho ngân hàng TMCP Quân đội	635	1121	4.635.328
PT	27/12	968	Rút Sec TM NH Sacombank	1111	1125	305.000.000
NH 2	27/12	562	Trả nợ gốc vay lô 1200T tôn cuộn nội địa	311	1122	600.000.000
HD	28/12	36878	Bán thép cuộn cán nóng 4.25ly – Cty TNHH Nội thất 190	131	5111	160.445.490
HD	28/12	36878	Bán thép cuộn cán nóng 4.25ly – Cty TNHH Nội thất 190	131	3331	16.044.549
PX	28/12	545	Bán thép cuộn cán nóng 4.25ly – Cty TNHH Nội thất 190	632	156	225.923.131
PC	28/12	892	Mua dây điện bọc	6423	1111	2.313.000
<b>PC</b>	<b>29/12</b>	<b>893</b>	<b>Thanh toán tiền mua thiết bị văn phòng – Cửa hàng Hoàng Cường</b>	<b>6423</b>	<b>1111</b>	<b>13.000.000</b>
<b>PC</b>	<b>29/12</b>	<b>893</b>	<b>Thanh toán tiền mua thiết bị văn phòng – Cửa hàng Hoàng Cường</b>	<b>133</b>	<b>1111</b>	<b>1.300.000</b>

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

...	...	...	.....	...	...	.....
NH 10	31/12	115	Lãi tiền gửi NH Công Thương	1120	515	1.485.000
PT	31/12	995	Thu tiền bán thép ống đúc 168 - Cty Viên Khanh	1111	5111	10.200.000
PT	31/12	995	Thu tiền bán thép ống đúc 168 - Cty Viên Khanh	1111	3331	1.020.000
PX	31/12	602	Thu tiền bán thép ống đúc 168 - Cty Viên Khanh	632	156	6.906.164
...	...	...	.....	...	...	.....
			CỘNG			777.740.166.46 1

*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*

**NGƯỜI LẬP**

*(ký, họ tên)*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

*(ký, họ tên)*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(ký, họ tên)*

*(Trích sổ Nhật ký chung Quý 4 năm 2009)*



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## **Biểu số 13:**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MIỀN BẮC

## **SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

**Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp**

*Quý 4 năm 2009*

*Đơn vị tính: VND*

NT ghi số	CT		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
...	...	...	.....	...	.....	.....
28/12	PC892	28/12	Mua dây điện bọc	1111	2.313.000	
<b>29/12</b>	<b>PC893</b>	<b>29/12</b>	<b>Mua thiết bị văn phòng – Cửa hàng Hoàng Xuân</b>	<b>1111</b>	<b>13.000.000</b>	
...	...	...	.....	...	.....	.....
31/12			Kết chuyển CPQL để xác định kết quả kinh doanh	911		1.354.280.854
			Cộng phát sinh		1.354.280.854	1.354.280.854
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

*Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2009*

**NGƯỜI LẬP**

*(ký, họ tên)*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

*(ký, họ tên)*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(ký, họ tên)*

*(Trích Sổ cái TK 642 Quý 4 năm 2009)*

**2.2.4. Kế toán hoạt động tài chính.**

$$\text{Kết quả HĐTC} = \text{Doanh thu HĐTC} - \text{Chi phí HĐTC}$$

**2.2.4.1. Kế toán Doanh thu hoạt động tài chính:**

Kế toán doanh thu hoạt động tài chính của công ty là lãi tiền gửi ngân hàng. Hàng tháng công ty nhận được Giấy báo có của ngân hàng về lãi tiền gửi được hưởng làm căn cứ để viết Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK515, Sổ cái TK112,...

**a. Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- Tài khoản 112 – Tiền gửi ngân hàng
- Và các tài khoản khác có liên quan...

**b. Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo có
- Sổ chi tiết tài khoản ngân hàng
- Và các chứng từ khác có liên quan...

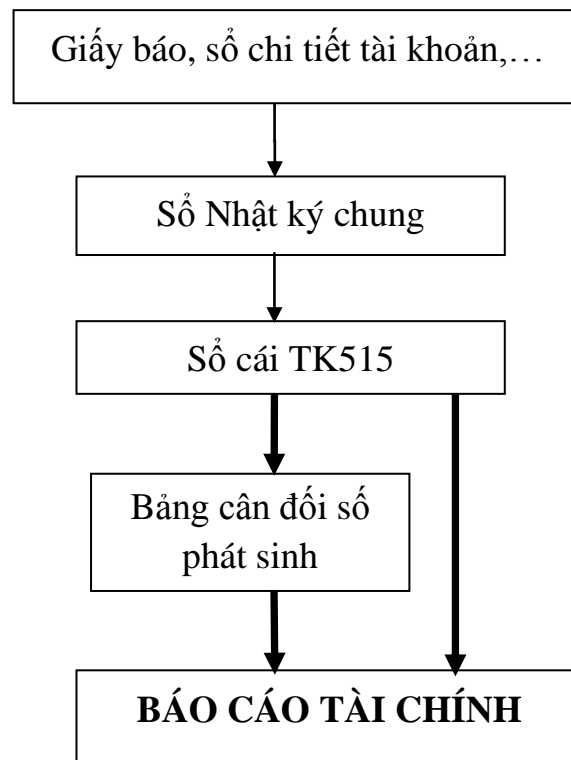
**c. Sổ sách sử dụng:**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 515, 112
- Sổ chi tiết tài khoản 112
- Và các sổ kế toán khác có liên quan...

**d. Quy trình hạch toán:**

Sơ đồ 2.9:

**Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán Doanh thu hoạt động tài chính**



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày:  $\longrightarrow$
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm:  $\longrightarrow$

**Ví dụ 05:** Ngày 31/12, Công ty nhận được giấy báo có của ngân hàng Công Thương – Chi nhánh Lê Chân – hải Phòng về khoản lãi tiền gửi ngân hàng, số tiền lãi nhận được là 1.485.000 đồng.

- Kế toán hạch toán nghiệp vụ trên:

Nợ TK 1120: 1.485.000

Có TK 515: 1.485.000

- Từ Giấy báo có (biểu số 14) Kế toán ghi sổ:

- + Sổ Nhật ký chung (biểu số 03)
- + Sổ cái TK 515 (biểu số 15)
- + Sổ cái TK 112
- + Sổ chi tiết TK 1120
- + Các sổ sách khác có liên quan...

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

### Biểu số 11:

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG – HP

MÃ GDV: BATCH

MÃ KH: 0100106825

### GIẤY BÁO CÓ

Hải Phòng

Ngày 31/12/2009

Giờ in: 8:45:35

Số chứng từ: 012.9652.5623

Ngày giờ nhận

Đã hạch toán

Số chuyển tiền: 982785682133234

Note:

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có: 090000331320

Số CMT:

Địa chỉ: Km89, Đường 5 mới, Hồng Bàng, Hải Phòng.

Số tiền: VNĐ 1.485.000

***Một triệu bốn trăm tám lăm nghìn đồng***

Nội dung: Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng Công Thương – Hải Phòng

Ma VAT Ngân hàng: 010021256304134Ma VAT khách hàng: 0200456259

GIAO DỊCH VIÊN

LIÊN 2

PHONG NGHIỆP VỤ

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### **Biểu số 03:**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MIỀN BẮC

### SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Quý 4 năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỨNG TỪ GỐC			DIỄN GIẢI	TÀI KHOẢN		SỐ TIỀN
MH	Ngày	Số		NỢ	CÓ	
A	B	C	D	E	F	G
...	...	...	.....	...	...	.....
PC		891	Thanh toán cước vận chuyển cho công ty cổ phần vận tải Trường An	64121	1111	7.600.000
PC		891	Thanh toán cước vận chuyển cho công ty cổ phần vận tải Trường An	133	1111	380.000
NH 1	26/12	96	Trả tiền lãi vay cho ngân hàng TMCP Quân đội	635	1121	4.635.328
PT	27/12	968	Rút Sec TM NH Sacombank	1111	1125	305.000.000
NH 2	27/12	562	Trả nợ gốc vay lô 1200T tôn cuộn nội địa	311	1122	600.000.000
HD	28/12	36878	Bán thép cuộn cán nóng 4.25ly – Cty TNHH Nội thất 190	131	5111	160.445.490
HD	28/12	36878	Bán thép cuộn cán nóng 4.25ly – Cty TNHH Nội thất 190	131	3331	16.044.549
PX	28/12	545	Bán thép cuộn cán nóng 4.25ly – Cty TNHH Nội thất 190	632	156	225.923.131
PC	28/12	892	Mua dây điện bọc	6423	1111	2.313.000
PC	29/12	893	Thanh toán tiền mua thiết bị văn phòng – Cửa hàng Hoàng Cường	6423	1111	13.000.000
PC	29/12	893	Thanh toán tiền mua thiết bị văn phòng – Cửa hàng Hoàng Cường	133	1111	1.300.000

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

...	...	...	.....	...	...	.....
<b>NH 10</b>	<b>31/12</b>	<b>115</b>	<b>Lãi tiền gửi NH Công Thương</b>	<b>1120</b>	<b>515</b>	<b>1.485.000</b>
PT	31/12	995	Thu tiền bán thép ống đúc 168 - Cty Viên Khanh	1111	5111	10.200.000
PT	31/12	995	Thu tiền bán thép ống đúc 168 - Cty Viên Khanh	1111	3331	1.020.000
PX	31/12	602	Thu tiền bán thép ống đúc 168 - Cty Viên Khanh	632	156	6.906.164
...	...	...	.....	...	...	.....
			<b>CỘNG</b>			<b>777.740.166.461</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*

**NGƯỜI LẬP**

*(ký, họ tên)*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

*(ký, họ tên)*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(ký, họ tên)*

*(Trích sổ Nhật ký chung Quý 4 năm 2009)*

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### **Biểu số 15:**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MIỀN BẮC

### **SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

**Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính**

*Quý 4 năm 2009*

*Đơn vị tính: VND*

NT ghi số	CT		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
...	...	...	.....	...	.....	.....
<b>31/12</b>	<b>NH10</b>	<b>31/12</b>	<b>Lãi tiền gửi NH Công Thương</b>	<b>1120</b>		<b>1.485.000</b>
31/12	NH2	31/12	Lãi tiền gửi NH Vietcombank	1122		3.256.800
31/12	NH3	31/12	Lãi tiền gửi NH Vibank	1123		4.576.623
...	...	...	.....	...	.....	.....
31/12			Kết chuyển DTHĐTC để xác định kết quả kinh doanh	911	394.717.516	
			Cộng phát sinh		394.717.516	394.717.516
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

*Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2009*

**NGƯỜI LẬP**

*(ký, họ tên)*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

*(ký, họ tên)*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(ký, họ tên)*

*(Trích Sổ cái TK 515 Quý 4 năm 2009)*

### 2.2.4.2. Kế toán Chi phí hoạt động tài chính:

Tại công ty cổ phần thép Miền Bắc không phát sinh nhiều hoạt động tài chính, chi phí cho hoạt động tài chính của công ty chủ yếu là thanh toán phí quản lý tài khoản và các khoản chi trả lãi vay ngân hàng hàng tháng.

a. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính.

Hàng tháng, công ty nhận được Giấy báo nợ của ngân hàng về lãi phải làm căn cứ để viết Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK635, TK112,...

b. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Giấy báo nợ
- Sao kê tài khoản chi tiết
- Sổ kế toán chi tiết của ngân hàng
- Và các chứng từ khác có liên quan...

c. Sổ sách sử dụng:

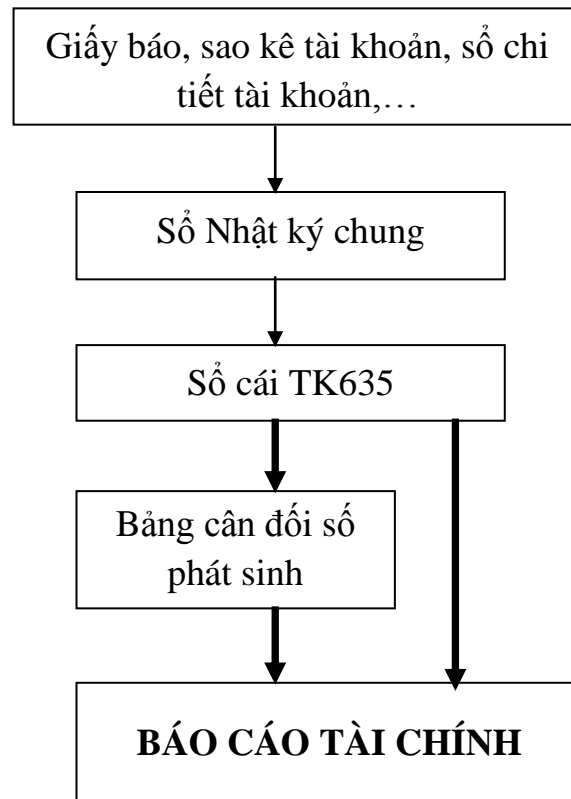
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 635, 112
- Và các sổ kế toán khác có liên quan...

d. Quy trình hạch toán:



Sơ đồ 2.10:

Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán Chi phí hoạt động tài chính



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày:  $\longrightarrow$
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm:  $\longrightarrow$

**Ví dụ 05:** Ngày 26/12/2009, nhận được giấy báo của ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội về tiền lãi phải trả là 4.635.000 đồng.

- Kế toán hạch toán:

Nợ TK 635: 4.635.328

Có TK 1121: 4.635.328

- Dựa vào chứng từ là Giấy báo nợ(biểu số 13), Kế toán ghi sổ Nhật ký chung( biểu số 03), Sổ cái tài khoản 635 ( biểu số14 ), Sổ cái tài khoản 112, Sổ chi tiết tài khoản 1121, Và các sổ sách khác có liên quan...

**Biểu số 16:**

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI

Mattv: 091

**GIẤY BÁO NỢ**

*Ngày 26/12/2009*

Tên đơn vị: Công ty cổ phần thép Miền Bắc

Số tài khoản: 31000831081

Số cif: 270608

Từ ngày

Đến ngày

Lãi suất:

Tiền lãi:

26/11/2009

26/12/2009

1.200

4.635.000

Tổng cộng

4.635.000

Thanh toán viên

Kiểm soát viên

Trưởng phòng

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### **Biểu số 03:**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MIỀN BẮC

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

*Quý 4 năm 2009*

*Đơn vị tính: VND*

CHỨNG TỪ GỐC			DIỄN GIẢI	TÀI KHOẢN		SỐ TIỀN
MH	Ngày	Số		NỢ	CÓ	
A	B	C	D	E	F	G
...	...	...	.....	...	...	.....
PC		891	Thanh toán cước vận chuyển cho công ty cổ phần vận tải Trường An	64121	1111	7.600.000
PC		891	Thanh toán cước vận chuyển cho công ty cổ phần vận tải Trường An	133	1111	380.000
<b>NH 1</b>	<b>26/12</b>	<b>96</b>	<b>Trả tiền lãi vay cho ngân hàng TMCP Quân đội</b>	<b>635</b>	<b>1121</b>	<b>4.635.328</b>
PT	27/12	968	Rút Sec TM NH Sacombank	1111	1125	305.000.000
NH 2	27/12	562	Trả nợ gốc vay lô 1200T tôn cuộn nội địa	311	1122	600.000.000
HD	28/12	36878	Bán thép cuộn cán nóng 4.25ly – Cty TNHH Nội thất 190	131	5111	160.445.490
HD	28/12	36878	Bán thép cuộn cán nóng 4.25ly – Cty TNHH Nội thất 190	131	3331	16.044.549
PX	28/12	545	Bán thép cuộn cán nóng 4.25ly – Cty TNHH Nội thất 190	632	156	225.923.131
PC	28/12	892	Mua dây điện bọc	6423	1111	2.313.000
PC	29/12	893	Thanh toán tiền mua thiết bị văn phòng – Cửa hàng Hoàng Cường	6423	1111	13.000.000
PC	29/12	893	Thanh toán tiền mua thiết bị văn phòng – Cửa hàng Hoàng Cường	133	1111	1.300.000

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

...	...	...	.....	...	...	.....
NH 10	31/12	115	Lãi tiền gửi NH Công Thương	1120	515	1.485.000
PT	31/12	995	Thu tiền bán thép ống đúc 168 - Cty Viên Khanh	1111	5111	10.200.000
PT	31/12	995	Thu tiền bán thép ống đúc 168 - Cty Viên Khanh	1111	3331	1.020.000
PX	31/12	602	Thu tiền bán thép ống đúc 168 - Cty Viên Khanh	632	156	6.906.164
...	...	...	.....	...	...	.....
			CỘNG			777.740.166.461

*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*

**NGƯỜI LẬP**

*(ký, họ tên)*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

*(ký, họ tên)*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(ký, họ tên)*

*(Trích sổ Nhật ký chung Quý 4 năm 2009)*

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## **Biểu số 17:**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MIỀN BẮC

## **SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

**Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính**

*Quý 4 năm 2009*

*Đơn vị tính: VND*

NT ghi số	CT		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
...	...	...	.....	...	.....	.....
31/12	NH5	31/12	Trả lãi vay NH Sacombank	1125	5.632.00	
<b>31/12</b>	<b>NH1</b>	<b>31/12</b>	<b>Trả lãi vay NH TMCP Quân Đội</b>	<b>1121</b>	<b>4.635.328</b>	
31/12	NH6	31/12	Trả lãi vay NH dầu khí Toàn Cầu	1126	3.563.200	
...	...	...	.....	...	.....	.....
31/12			Kết chuyển DTHĐTC để xác định kết quả kinh doanh	911		1.477.388.980
			Cộng phát sinh		1.477.388.980	1.477.388.980
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

*Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2009*

**NGƯỜI LẬP**

*(ký, họ tên)*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

*(ký, họ tên)*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(ký, họ tên)*

*(Trích Sổ cái TK 635 Quý 4 năm 2009)*

**2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.**

Sau khi tập hợp chi phí, doanh thu, xác định doanh nghiệp có lãi, kế toán doanh nghiệp tiến hành tính thuế thu nhập doanh nghiệp, xác định thuế chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đầu mỗi quý, doanh nghiệp tạm nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp, cuối năm dựa trên số thuế Thu nhập doanh nghiệp thực tế, doanh nghiệp tiến hành điều chỉnh số thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2009, công ty áp dụng thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp 25%.

$$\text{Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp}}{\text{thu nhập doanh nghiệp}} \times \text{Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp}$$

**a. Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Tài khoản 3334 – Thuế thu nhập doanh nghiệp

**b. Sổ sách sử dụng:**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 821, 333, 911
- Sổ chi tiết tài khoản 3334
- Và các sổ kế toán khác có liên quan...

**c. Thực tế kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty.**

- Ngày 1/10/2009, kế toán tạm tình thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp: 2.500.000 đồng.
- Ngày 31/12/2009, kế toán tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp: 718.076.144 đồng.
- Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh:
  - + Ngày 1/10/2009, kế toán định khoản:  
Nợ TK 821: 2.500.000  
Có TK 3334: 2.500.000
  - + Ngày 31/12/2009, căn cứ vào số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp, kế toán định khoản điều chỉnh số thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp quý 4 năm 2009:

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

Nợ TK 821: 715.576.144

Có TK 3334: 715.576.144

Kế toán định khoản kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:

Nợ TK 911: 718.076.144

Có TK 821: 718.076.144

- Kế toán ghi sổ Nhật ký chung ( biểu số 18), Sổ cái tài khoản 821 (biểu số 19 ), Sổ cái tài khoản 333, Sổ cái tài khoản 911 và các sổ kế toán khác có liên quan...

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### **Biểu số 18:**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MIỀN BẮC

### SỔ NHẬT KÝ CHUNG

*Quý 4 năm 2009*

*Đơn vị tính: VND*

CHỨNG TỪ GỐC			DIỄN GIẢI	TÀI KHOẢN		SỐ TIỀN
M H	Ngày	Số		NỢ	CÓ	
A	B	C	D	E	F	G
...	...	...	.....	...	...	.....
	<b>01/10</b>		<b>Tạm trích Thuế TNDN Quý 4/09</b>	<b>821</b>	<b>3334</b>	<b>2.500.000</b>
	01/10		Tạm nộp Thuế TNDN Quý 4/09	3334	1111	2.500.000
...	...	...	.....	...	...	.....
	31/12		Kết chuyển Giá vốn hàng bán	911	632	92.512.652.145
	31/12		Kết chuyển Chi phí bán hàng	911	641	650.586.962
	31/12		Kết chuyển Chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	1.354.280.854
	31/12		Kết chuyển Chi phí hoạt động tài chính	911	635	1.477.388.980
	31/12		Kết chuyển Doanh thu bán hàng	511	911	98.512.496.000
	31/12		Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	394.717.516
...	...	...	.....	...	...	.....
	<b>31/12</b>		<b>Thuế TNDN còn phải nộp Quý 4/09</b>	<b>821</b>	<b>3334</b>	<b>715.576.144</b>



**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

	<b>31/12</b>		<b>Kết chuyển Chi phí thuế TNDN</b>	<b>911</b>	<b>821</b>	<b>718.076.144</b>
	31/12		Kết chuyển lãi	911	4212	2.154.228.431
...	...	...	.....	...	...	.....
			<b>CỘNG</b>			<b>777.740.166.461</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*

**NGƯỜI LẬP**

*(ký, họ tên)*

**KÊ TOÁN TRƯỞNG**

*(ký, họ tên)*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(ký, họ tên)*

*(Trích sổ Nhật ký chung Quý 4 năm 2009)*

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### **Biểu số 19:**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MIỀN BẮC

### **SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

**Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

*Quý 4 năm 2009*

*Đơn vị tính: VND*

NT ghi số	CT		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
<b>1/10</b>			<b>Tạm nộp thuế TNDN Quý 4/09</b>	<b>3334</b>	<b>2.500.000</b>	
<b>31/12</b>			<b>Thuế TNDN còn phải nộp Quý 4/09</b>	<b>3334</b>	<b>715.576.144</b>	
<b>31/12</b>			<b>Kết chuyển Chi phí thuế TNDN</b>	<b>911</b>		<b>718.076.144</b>
			Cộng phát sinh		718.076.144	718.076.144
			Số dư cuối kỳ			

*Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2009*

**NGƯỜI LẬP**

*(ký, họ tên)*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

*(ký, họ tên)*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(ký, họ tên)*

### 2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Sau một kỳ kế toán công ty thực hiện xác định kết quả của hoạt động kinh doanh trong kỳ với yêu cầu chính xác và kịp thời. Chú ý tới nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ kế toán.

Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển vào tài khoản này là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

a. Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối
- Và các tài khoản có liên quan

Sau khi bù trừ hai bên Nợ - Có trên TK 911, xác định số chênh lệch “ Tổng doanh thu, thu nhập – Tổng chi phí” kế toán xác định kết quả kinh doanh của công ty như sau:

- + Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập – Tổng chi phí) > 0 (Bên Nợ < Bên Có)
  - Doanh nghiệp có lãi, số chênh lệch được kết chuyển sang bên Có của TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối.
- + Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập – Tổng chi phí) = 0 (Bên Nợ = Bên Có)
  - Doanh nghiệp hòa vốn.
- + Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập – Tổng chi phí) < 0 (Bên Nợ > Bên Có)
  - Doanh nghiệp bị lỗ, số chênh lệch được kết chuyển sang bên Nợ của TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối.

b. Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 911, 421
- Và các sổ kế toán khác có liên quan....

c. Thực tế kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Cuối quý, ngày 31/12/2009, doanh nghiệp tập hợp doanh thu, chi phí và kết chuyển sang tài khoản 911.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nợ TK511: 98.512.496.000	Nợ TK911: 96.034.908.940
Nợ TK515: 394.717.516	Có TK632: 92.512.652.145
Có TK911: 98.907.213.516	Có TK635: 1.477.388.980
	Có TK642: 2.044.867.816

Bù trừ hai bên Nợ - Có của tài khoản 911, kế toán xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Kế toán định khoản:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp:

Nợ TK 821: 715.576.144

Có TK 3334: 715.576.144

- Doanh nghiệp tiến hành kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:

Nợ TK 911: 718.076.144

Có TK 821: 718.076.144

- Doanh nghiệp tiến hành kết chuyển lãi:

Nợ TK 911: 2.154.228.431

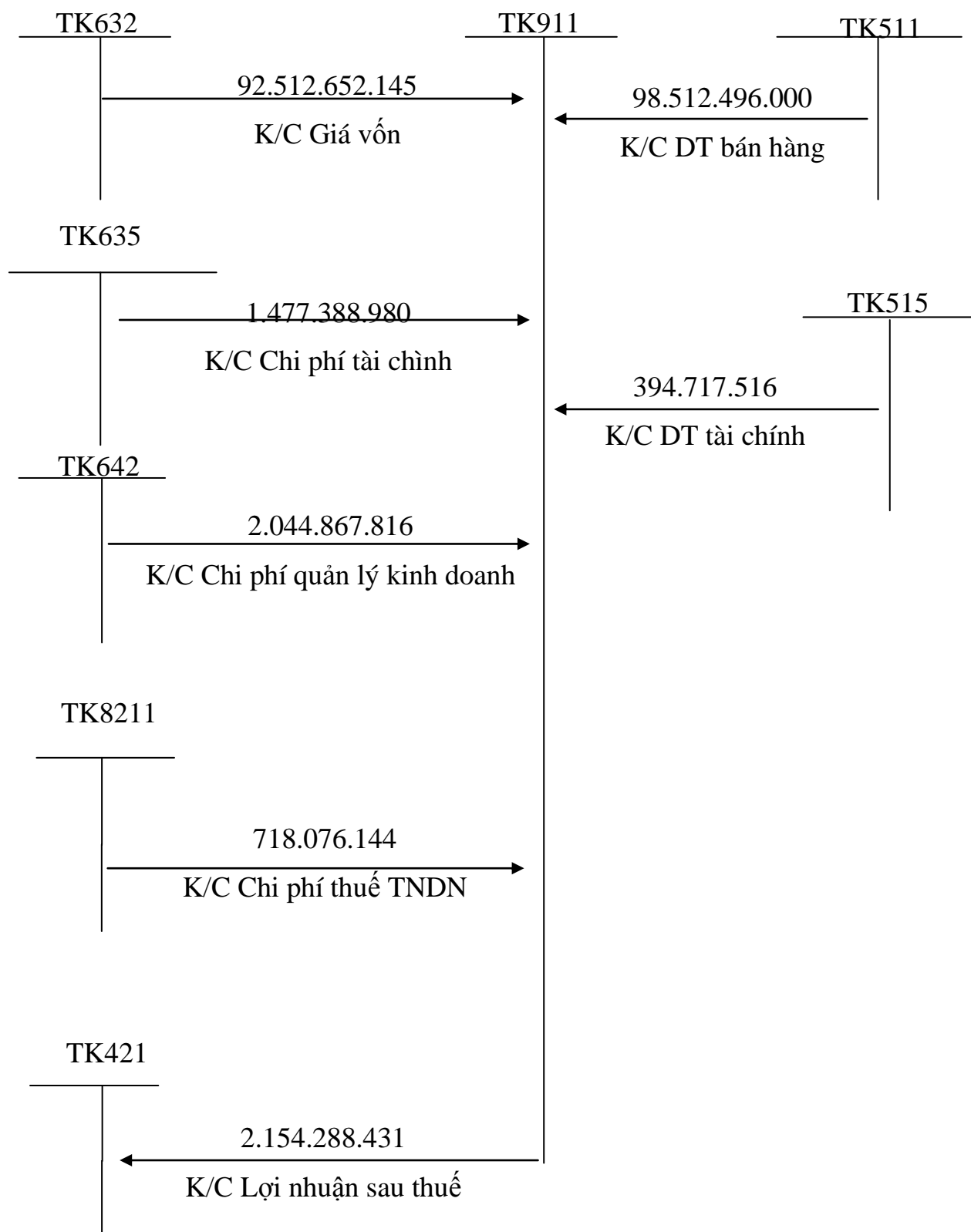
Có TK 421: 2.154.228.431

Kế toán ghi sổ:

- + Sổ cái tài khoản 911 (biểu số 20 )
- + Sổ cái tài khoản 421 (biểu số 21)
- + Và các sổ kế toán khác có liên quan...

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ: Hạch toán xác định kết quả kinh doanh Quý 4 năm 2009



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## **Biểu số 15:**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MIỀN BẮC

## **SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

**Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

*Quý 4 năm 2009*

*Đơn vị tính: VND*

NT ghi số	CT		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
31/12			Kết chuyển GVHB	632	92.512.652.145	
31/12			Kết chuyển Chi phí bán hàng	641	650.586.962	
31/12			Kết chuyển Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	1.354.280.854	
31/12			Kết chuyển Chi phí hoạt động tài chính	635	1.477.388.980	
31/12			Kết chuyển Doanh thu bán hàng	511		98.512.496.000
31/12			Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		394.717.516
31/12			Kết chuyển Chi phí thuế TNDN	821	718.076.144	
31/12			Kết chuyển lãi	4212	2.154.228.431	
			Cộng phát sinh		<b>98.907.213.516</b>	<b>98.907.213.516</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

*Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2009*

**NGƯỜI LẬP**

*(ký, họ tên)*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

*(ký, họ tên)*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(ký, họ tên)*

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### **Biểu số 16:**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MIỀN BẮC

### **SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

**Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối**

*Quý 4 năm 2009*

*Đơn vị tính: VND*

NT ghi số	CT		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G
			Số dư đầu kỳ			297.747.990
			Số phát sinh			
...	...	...	.....	...	.....	.....
31/12			K/C lãi Quý 4/2009	911		2.154.228.431
			Cộng phát sinh		2.451.976.421	2.451.976.421
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

*Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2009*

**NGƯỜI LẬP**

*(ký, họ tên)*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

*(ký, họ tên)*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(ký, họ tên)*

*(Trích Sổ cái TK 421 Quý 4 năm 2009)*

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### **Biểu số 17:**

### **Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2009**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MIỀN BẮC  
Km89 – Đường 5 mới – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số B 02 – DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối**

*Năm 2009*

*Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	MS	TM	Quý 4/2009	Lũy kế cả năm
1	2	3	4	5
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		98.512.496.000	308.920.990.562
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		98.512.496.000	308.920.990.562
4.Giá vốn hàng bán	11		92.512.652.145	287.871.367.916
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.999.843.855	21.049.622.646
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21		394.717.516	644.808.444
7.Chi phí tài chính	22		1.477.388.980	4.871.469.044
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.477.388.980	4.871.469.044
8. Chi phí bán hàng	24		650.586.962	2.052.486.592
9.Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.354.280.854	4.100.422.889
10.Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		2.872.304.575	10.670.052.565
11.Thu nhập khác	31			
12.Chi phí khác	32			
13.Lợi nhuận khác	40			
14.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.872.304.575	10.670.052.565
15.Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		718.076.144	2.667.513.141
16.Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.154.228.431	8.002.539.424

*Lập ngày 22 tháng 2 năm 2010*

**NGƯỜI LẬP**

*(ký, họ tên)*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

*(ký, họ tên)*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(ký, họ tên)*



**MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ  
TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MIỀN BẮC.**

**3.1. Nguyên tắc của việc hoàn thiện.**

Mục tiêu đến năm 2020, Việt Nam hoàn toàn hội nhập với quốc tế trong lĩnh vực kế toán. Trong đó, giai đoạn 2006-2010 là giai đoạn củng cố hội nhập giai đoạn này tiếp tục hoàn thiện hơn nữa hệ thống kế toán. Hệ thống kế toán của doanh nghiệp cũng không nằm ngoài xu hướng đó. Vì vậy, ngày càng hoàn thiện hệ thống kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có vai trò quan trọng giúp doanh nghiệp tồn tại và phát triển bền vững.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo những nguyên tắc:

- Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán áp dụng, chế độ, chuẩn mực kế toán do nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà phải linh hoạt để phù hợp với điều kiện, đặc điểm sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, cũng như yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.
- Các thông tin, số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải được phản ánh kịp thời, khách quan, đầy đủ, đúng thực tế và đúng kỳ kế toán mà nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh.
- Hoàn thiện trên cơ sở hợp lý, hợp lệ, tiết kiệm chi phí, thời gian nhưng vẫn phải đảm bảo hiệu quả công việc.

**3.2. Đánh giá thực trạng tổ chức công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thép Miền Bắc.**

**3.2.1. Đánh giá chung.**

Trong gần 20 năm xây dựng và trưởng thành, công ty cổ phần thép Miền Bắc đã trải qua không ít thăng trầm. Đến nay công ty đã phát triển mở thêm 3 chi nhánh, hiệu quả kinh doanh cao. Để đạt được điều trên, công ty cổ phần thép Miền

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

Bắc đã không ngừng củng cố và hoàn thiện công tác quản lý, đặc biệt là hoàn thiện công tác kế toán.

Nhìn chung, Công ty cổ phần thép Miền Bắc có bộ máy quản lý khá khoa học, các phòng ban được phân công nhiệm vụ một cách rõ ràng, cụ thể. Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, tuy gặp không ít những khó khăn nhưng Công ty cổ phần thép Miền Bắc vẫn luôn phấn đấu vươn lên, đảm bảo công việc cho cán bộ công nhân viên, phát động nhiều phong trào thi đua nhằm khắc phục mặt yếu, phát huy những điểm mạnh sẵn có, qua đó tìm được những hướng đi mới phù hợp với quy luật phát triển hiện nay. Hàng năm, công ty thường xuyên tuyển mới, đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên, đồng thời cũng có những chế độ khen thưởng phù hợp, chính xác, khuyến khích tinh thần làm việc của công nhân viên. Ngoài ra, công ty còn tổ chức các chuyến thăm quan cho cán bộ, công nhân viên công ty giúp cho nhân viên công ty được thư giãn, hòa đồng, thêm thân thiết và càng gắn bó với công ty.

Trong thời gian qua, Công ty luôn đảm bảo đúng nguyên tắc hạch toán kế toán, việc thực hiện và áp dụng chế độ kế toán đề ra. Tuy nhiên trong quá trình hạch toán luôn cải tiến cho phù hợp với điều kiện và đặc điểm kinh doanh của công ty dựa trên cơ sở chế độ kế toán hiện hành.

Công tác kế toán của công ty nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng đã phần nào đáp ứng được yêu cầu quản lý cũng như giúp chủ doanh nghiệp kiểm soát tình hình thực tế đồng thời đưa ra được những quyết định quản lý, chiến lược kinh doanh phù hợp và hiệu quả.

### **3.2.2. Ưu điểm.**

#### *a. Về sản xuất kinh doanh:*

Ngành nghề kinh doanh chính của công ty là kinh doanh thương mại sản phẩm chính là sắt thép. Các hàng hóa của Công ty luôn có chất lượng cao đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng.

#### *b. Về tổ chức bộ máy kế toán:*

Tổ chức bộ máy kế toán của công ty gọn nhẹ, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty, được tổ chức có kế hoạch, sắp xếp và bố trí cán bộ, nhân viên kế toán

phù hợp chặt chẽ giữa các thành viên với nhau, đảm bảo tính thống nhất về phạm vi và phương pháp tính toán ghi chép. Do đó mọi việc đều được hoàn thành theo sự chỉ đạo của kế toán trưởng.

### *c. Về hình thức kế toán:*

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là phù hợp. Đây là hình thức sổ kế toán đơn giản, giúp cho kế toán thuận tiện trong việc ghi chép, xử lý số liệu kế toán mà còn tiết kiệm được thời gian và công sức, tạo điều kiện cho việc cung cấp thông tin kịp thời.

### *d. Về chứng từ kế toán sử dụng:*

Công ty sử dụng chứng từ theo chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Chứng từ kế toán của công ty được lập rõ ràng, đầy đủ, kịp thời và chính xác theo nội dung quy định trên mẫu.

Chứng từ kế toán của công ty được lập theo đúng nội dung của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh, đúng số liên theo quy định, được lập sạch sẽ, không tẩy xóa, sửa chữa, chữ viết liên tục, có chữ ký, dấu theo quy định.

Tất cả các chứng từ kế toán của công ty được sắp xếp rất khoa học, gọn gàng, theo đúng nội dung kinh tế, theo đúng trình tự thời gian và được bảo đảm an toàn theo quy định của nhà nước. Nhờ đó, việc tìm chứng cứ luôn được nhanh chóng, chính xác, giúp cho các cơ quan thuế, cơ quan kiểm toán cũng như các cơ quan kiểm tra, kiểm soát được nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, tiết kiệm thời gian.

### *e. Về sổ sách kế toán sử dụng:*

Sổ sách kế toán của công ty được lập rõ ràng, chính xác, theo mẫu hướng dẫn của nhà nước.

Không cứng nhắc theo các mẫu sổ kế toán được quy định, kế toán công ty còn sáng tạo, tìm tòi lập ra những sổ kế toán mới phù hợp với đặc điểm kinh doanh, tình hình thực tế, yêu cầu quản lý của công ty nhưng vẫn tuân thủ theo đúng quy định, phản ánh đúng, chính xác, minh bạch nội dung nghiệp vụ kinh tế, tăng hiệu quả giám sát, quản lý và đối chiếu.

*g. Về hệ thống tài khoản:*

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/ QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung. Đồng thời, kế toán cũng chi tiết thêm các tiểu khoản phù hợp với yêu cầu quản lý của từng đối tượng.

**3.2.3. Những hạn chế.**

Bên cạnh những ưu điểm, kế toán còn tồn tại những mặt hạn chế chưa phù hợp với chế độ chung, chưa thực sự khoa học, cần thiết phải phân tích, làm sáng tỏ, từ đó có các biện pháp thiết thực nhằm cung cấp hoàn thiện hơn nữa giúp cho việc cung cấp thông tin được đầy đủ, giúp cho ban lãnh đạo đưa ra được những quyết định về hoạt động quản lý, hoạt động tiêu thụ hàng hóa. Cụ thể:

*a. Về chứng từ sổ sách:*

Công ty không sử dụng nhật ký đặc biệt như nhật ký bán hàng, nhật ký thu tiền... mà tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được hạch toán vào sổ nhật ký chung. Do đó sẽ dẫn đến tình trạng là số liệu trên sổ nhật ký chung sẽ dày đặc, khó theo dõi, đặc biệt là khó theo dõi được tình hình tiêu thụ của công ty.

*b. Về chính sách bán hàng:*

Theo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của ba năm gần đây, doanh nghiệp chưa có hình thức khuyến khích khách hàng mua nhiều với số lượng lớn như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán dẫn đến:

- Mất dần những khách hàng lớn vì trên thị trường có rất nhiều công ty đang áp dụng các biện pháp này nhằm thu hút khách hàng.
- Không có các chính sách khuyến mãi khách hàng sẽ chậm thanh toán làm cho dòng vốn không được quay vòng nhanh.

c. Trong nền kinh tế thị trường như hiện nay chứa đựng nhiều yếu tố rủi ro, nhất là trong lĩnh vực kinh doanh sắt thép như công ty cổ phần thép Miền Bắc thì yếu tố thị trường chi phối rất lớn. Sự tăng giảm về giá cả, doanh thu tiêu thụ sẽ ảnh hưởng lớn tới kết quả kinh doanh của công ty. Tuy vậy, kế toán công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**3.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thép Miền Bắc.**

**Ý kiến 1: Tuyển thêm nhân viên kế toán**

Hiện này, nhân viên kế toán tổng hợp của công ty ngoài công việc kế toán tổng hợp còn phụ trách công việc quan hệ, giao dịch với các ngân hàng, làm nghiệp vụ ngân hàng, đi lại thường xuyên. Do đó, công việc nhiều lúc bị tồn đọng, quá tải. Vì vậy, công ty nên tuyển thêm nhân viên kế toán để hỗ trợ cho nhân viên kế toán tổng hợp, giúp cho công việc được giải quyết nhanh chóng, hiệu quả hơn.

**Ý kiến 2: Nên sử dụng nhật ký đặc biệt**

Công ty nên sử dụng nhật ký đặc biệt như nhật ký bán hàng, để giảm bớt số lượng ghi vào sổ Nhật ký chung và để giảm bớt sự dày đặc khó theo dõi của nhật ký chung. Ngoài ra nhìn vào nhật ký bán hàng cũng có thể thấy ngay được doanh thu bán hàng trong ngày của công ty.

- Nhật ký bán hàng dùng để ghi chép các nghiệp vụ bán hàng của doanh nghiệp như bán hàng hóa, bán thành phẩm, bán dịch vụ.
- Nhật ký bán hàng dùng để ghi chép các nghiệp vụ bán hàng theo hình thức thu tiền sau ( bán chịu). Trường hợp người mua trả tiền trước khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng cũng ghi vào sổ này.

*Mẫu sổ nhật ký bán hàng:*

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MIỀN BẮC

## NHẬT KÝ BÁN HÀNG

Quý 4 năm 2009

Đơn vị tính: VND

NT ghi số	CT		DIỄN GIẢI	Phải thu người mua (ghi nợ)	Ghi có TK doanh thu	
	SH	NT			Hàng hóa	Dịch vụ
A	B	C	D	E	F	G
			Số trang trước chuyển sang			
...	...	...	.....	...	...	...
31/12	HD 36782	31/12	Bán thép ống đúc 168 cho công ty Viên Khanh	10.200.000	10.200.000	
...	...	...	.....	...	...	...
			<b>Cộng chuyển sang trang sau</b>			

NGƯỜI LẬP

(ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(ký, họ tên)

### **Ý kiến 3: Cần có các chính sách bán hàng**

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều tập thể và cá nhân hoạt động kinh doanh mặt hàng của công ty nên tình hình cạnh tranh diễn ra rất gay gắt. Công ty hiện nay đang có một lượng khách hàng truyền thống, lâu năm. Những khách hàng này thường mua hàng với số lượng lớn, thanh toán bằng chuyển khoản. Do vậy, Công ty nên áp dụng một số biện pháp khuyến mãi như chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán khi khách hàng mua với khối lượng lớn, thanh toán tiền nhanh nhằm giữ được khách hàng.

Với chính sách chiết khấu, giảm giá nhằm khuyến khích khách hàng công ty nên thêm :

***Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại:*** Phản ánh số giảm giá cho người mua hàng với khối lượng lớn được ghi trên hóa đơn bán hàng hoặc các chứng từ khác liên quan đến bán hàng.

Khi doanh nghiệp thực hiện chiết khấu thương mại cho những khách hàng mua với khối lượng lớn, căn cứ vào hóa đơn bán hàng và các chứng từ liên quan khác, kế toán ghi:

Nợ TK521 – Chiết khấu thương mại

Nợ TK3331 – Thuế GTGT phải nộp (nếu có)

Có TK111, 112, 131,...

***Tài khoản 532– Giảm giá hàng bán:*** Phản ánh các khoản giảm giá hàng bán so với giá ghi trong Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng thông thường phát sinh trong kỳ.

Trường hợp hàng hóa bán giảm giá cho người mua, khoản giảm giá đã chấp thuận cho người mua, kế toán ghi:

Nợ TK532 –Giảm giá hàng bán

Nợ TK3331 – Thuế GTGT phải nộp (Số thuế GTGT của hàng bán bị giảm giá)

Có TK111, 112, 131,...



## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

Ngoài ra, trong trường hợp khách hàng trả lại hàng, kế toán mở thêm *Tài khoản 531 – Hàng bán bị trả lại*: Phản ánh trị giá bán của số hàng hóa đã bán bị khách hàng trả lại.

Khi doanh nghiệp nhận lại sản phẩm, hàng hóa bị trả lại, hạch toán trị giá vốn của hàng bán bị trả lại, ghi:

Nợ TK154, 156,...

Có TK632 – Giá vốn hàng bán

Thanh toán với người mua hàng về số tiền của hàng bán bị trả lại:

Nợ TK531 – Hàng bán bị trả lại

Nợ TK3331 – Thuế GTGT phải nộp (Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại)

Có TK111, 112, 131,...

**\*Hiệu quả việc hoàn thiện:**

Với các biện pháp khuyến mãi này có thể Công ty không chỉ giữ được các khách hàng truyền thống mà còn tăng được khối lượng khách hàng mới trong tương lai. Vì có sự ưu đãi của Công ty trong việc bán hàng và thanh toán, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng thêm năng lực cạnh tranh trên thị trường. Việc mở thêm các tài khoản này góp phần hoàn thiện, đầy đủ, cụ thể hơn nữa hệ thống tài khoản kế toán cho Công ty đáp ứng yêu cầu của kế toán tiêu thụ.

### **Ý kiến 4: Ứng dụng phần mềm kế toán.**

Đến năm 2009, công ty đã bước đầu có kế hoạch ứng dụng phần mềm kế toán nhưng chưa cụ thể và chỉ mới là dự định. Công ty cần đưa phần mềm kế toán vào sử dụng để góp phần hiện đại hóa công tác quản lý nâng cao chất lượng công tác quản lý, đồng thời tiết kiệm thời gian mà đem lại sự chính xác, hiệu quả cao trong công tác kế toán. Hiện tại, phòng kế toán của công ty đã được trang bị đầy đủ máy tính phục vụ cho công tác kế toán, điều đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán. Từ đó giúp giảm bớt khó khăn cho kế toán viên trong công việc kiểm tra, đối chiếu số liệu. Phần mềm kế toán được ứng dụng sẽ mang lại hiệu quả trực tiếp thiết thực cho doanh nghiệp.



## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

Doanh nghiệp dự kiến sẽ đưa phần mềm kế toán Adsoft vào sử dụng thử trong năm 2010 và chính thức năm 2011. Adsoft là phần mềm khá phổ biến được nhiều doanh nghiệp sử dụng hiện nay với các phân hệ cụ thể như sau:

*\* Kế toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, kho bạc*

- + Cho phép khai thác thông tin tức thời số dư tiền tại quỹ
- + Cho phép in phiếu thu, phiếu chi trên máy tính.
- + Chương trình cung cấp các báo cáo như:
  - + Sổ quỹ tiền mặt.
  - + Sổ chi tiết, tổng hợp tài khoản tiền mặt, tiền gửi.
- Sổ cái.

*\* Kế toán công nợ*

- + Cho phép quản lý tình hình công nợ phải thu, công nợ phải trả chi tiết đến từng đối tượng công nợ.
- + Chương trình cung cấp các báo cáo:
  - + Sổ chi tiết công nợ
  - + Sổ tổng hợp công nợ cho từng đối tượng công nợ, từng tài khoản công nợ.

*\* Kế toán vật tư hàng hóa, vật rẻ tiền mau hỏng*

- + Chương trình cho phép quản lý vật tư hàng hoá theo các chỉ tiêu:
  - + Giá trị vật tư.
  - + Số lượng vật tư.
- + Chương trình cho phép theo dõi chi tiết theo từng loại vật tư hàng hoá, từng đối tượng sử dụng.
- + Chương trình cho phép in phiếu nhập, phiếu xuất.
- + Chương trình cung cấp các báo cáo về hàng hoá như:
  - + Thẻ kho
  - + Sổ chi tiết hàng hoá
  - + Báo cáo nhập - xuất - tồn vật tư, hàng hoá
  - + Bảng kê nhập xuất hàng hoá.

### \* Kế toán nguồn kinh phí và sử dụng kinh phí

- + Chương trình cho phép hạch toán theo dõi chi tiết theo nhiều nguồn kinh phí, nhiều chương trình dự án và theo hệ thống mục lục ngân sách nhà nước.
- + Chương trình cung cấp các sổ:
- + Sổ chi tiết hoạt động.
- + Sổ tổng hợp nguồn kinh phí.
- + Sổ chi nguồn kinh phí hoạt động theo quy định của Nhà nước.

### \* Kế toán thuế giá trị gia tăng

- + Chương trình cung cấp ngay sau khi hạch toán các báo cáo thuế theo chế độ hiện hành:
- + Bảng kê hàng hoá dịch vụ mua vào.
- + Bảng kê hàng hoá dịch vụ bán ra.
- + Tờ khai thuế.
- + Bảng kê DVMV có hoá đơn bán hàng

### \* Kế toán tài sản cố định, tiền lương và BHXH, BHYT

- + Chương trình cho phép theo dõi hạch toán tổng hợp tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, KPCĐ.
- + Chương trình cho phép hạch toán tổng hợp tình hình tăng giảm TSCĐ, hao mòn TSCĐ.

### \* Kế toán các khoản thu

- + Chương trình cho phép hạch toán theo nhiều hoạt động thu khác nhau.
- + Chương trình cung cấp các báo:
- + Báo cáo tổng hợp các khoản thu.
- + Báo cáo chi tiết các khoản thu.

### \* Kế toán tổng hợp

- + Tự động cập nhật nghiệp vụ phát sinh vào các phân hệ kế toán có liên quan.
- + Tự động cập nhật số liệu vào hệ thống các chỉ tiêu báo cáo tài chính có liên quan:
- + Bảng cân đối phát sinh các tài khoản.
- + Bảng cân đối kế toán.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

- + Báo cáo kết quả hoạt động sự nghiệp có thu.
- + Báo cáo tổng hợp và chi tiết kinh phí đề nghị quyết toán.
- + Các phụ lục ngân sách của các nguồn.
- + Bảng đối chiếu hạn mức kinh phí.
- + Sổ cái các tài khoản.
- + Và các báo cáo khác theo chế độ quy định.

### \* *Quản trị hệ thống*

- + Cho phép phân quyền sử dụng đến từng người sử dụng, chức năng, từng phân hệ kế toán.
- + Cho phép nhiều người sử dụng, chạy qua hệ thống mạng
- + Cho phép nén dữ liệu và backup ra đĩa mềm và các thiết bị khác
- + Cho phép lưu và khôi phục dữ liệu.
- + Dữ liệu được bảo mật bằng hệ cơ sở quản trị dữ liệu và hệ thống người dùng bằng việc mã hoá dữ liệu và phân quyền người sử dụng

### \* *Hệ thống các công cụ quản trị*

- + Hệ thống công cụ sử dụng nguyên lý logic đảm bảo người dùng có thể khai thác nhanh chóng và không bị nhầm chán.
- + Công cụ tìm kiếm, lọc, gộp theo nhiều loại dữ liệu.
- + Công cụ kết xuất dữ liệu dưới nhiều dạng lựa chọn như : Word, Excell...
- + Công cụ in ấn dữ liệu theo nguyên lý thấy là in được.
- + Công cụ quản trị dữ liệu khác phục vụ cho công tác nhập, kiểm tra, khai thác dữ liệu

Trình tự kế toán trên máy vi tính về nghiệp vụ kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh như sau: Việc tổ chức ghi chép hạch toán vào sổ kế toán tài chính, kế toán quản trị do máy tính nhận dữ liệu do kế toán viên nhập các chứng từ liên quan vào. Cuối kỳ các bút toán kết chuyển nhập vào máy, tự máy xử lý hạch toán vào sổ kế toán. Căn cứ vào yêu cầu của chủ doanh nghiệp, giám đốc, kế toán trưởng, người sử dụng sẽ khai báo với máy những yêu cầu cần thiết (Sổ cái, Báo cáo doanh thu, Kết quả kinh doanh...), máy sẽ tự xử lý và đưa ra những thông tin cần thiết theo yêu cầu.

### KẾT LUẬN

Trong cơ chế hiện nay, vấn đề kế toán thực sự có vị trí quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Tổ chức tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là công cụ quan trọng cho các nhà quản lý nghiên cứu vận dụng, hoàn thiện vấn đề này và hoàn toàn cần thiết với công ty.

Sau một thời gian thực tập tại công ty cổ phần thép Miền Bắc, tìm hiểu về công tác kế toán tại công ty, được sự giúp đỡ của các cô, chú trong công ty cùng với sự hướng dẫn của Thạc sĩ Trần Thị Thanh Thảo – Giảng viên hướng dẫn, em đã vận dụng lý thuyết, tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại công ty, học tập thêm được những bài học và kinh nghiệm làm việc quý báu. Điều đó giúp em hiểu sâu hơn về lý luận chung, so sánh được sự giống và khác nhau giữa lý luận và thực tiễn nhằm bổ sung kiến thức đã được học trên ghế nhà trường.

Do thời gian thực tập có hạn cũng như nhận thức của bản thân còn hạn chế nên bài khóa luận này còn nhiều thiếu sót. Vì vậy, em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý của các thầy cô giáo, cán bộ kế toán của công ty cũng như các bạn sinh viên trong toàn khoa để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình và chu đáo của ban kế toán công ty cổ phần thép Miền Bắc, Giảng viên – thạc sĩ Trần Thị Thanh Thảo cùng các thầy cô giáo khoa Quản trị kinh doanh nói chung và ngành Kế toán – Kiểm toán trường Đại học dân lập Hải Phòng đã giúp em hoàn thành đợt thực tập cũng như bài khóa luận này.

***Em xin chân thành cảm ơn!***

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI.</b> .....	2
<b>1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.</b> .....	2
<b>1.1.1. Vai trò, ý nghĩa, yêu cầu và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.</b> .....	2
<b>1.1.1.1. Vai trò, ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.</b> .....	2
<b>1.1.1.2. Yêu cầu của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh</b> .....	3
<b>1.1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.</b> .....	3
<b>1.1.2. Khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:</b> ....	4
<b>1.1.2.1. Doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.</b> .....	4
<b>1.1.2.2. Các khoản chi phí:</b> .....	5
<b>1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh.</b> .....	7
<b>1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.</b> .....	8
<b>1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:</b> .....	8
<b>1.2.1.1. Tài khoản sử dụng:</b> .....	8
<b>1.2.1.2. Một số quy định khi hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.</b> .....	9
<b>1.2.1.3. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:</b> .....	10
<b>1.2.2. Các khoản giảm trừ doanh thu:</b> .....	10
<b>1.2.2.1. Tài khoản sử dụng:</b> .....	11
<b>1.2.2.2. Một số quy định khi hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.</b> .....	12
<b>1.2.2.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:</b> .....	12
<b>1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.</b> .....	12
<b>1.2.3.1. Tài khoản sử dụng:</b> .....	12
<b>1.2.3.2. Một số quy định khi hạch toán kế toán giá vốn hàng bán.</b> .....	13

1.2.3.3.Các phương pháp tính giá xuất kho: .....	13
1.2.3.4.Kế toán giá vốn hàng bán.....	15
1.2.4.Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. ....	16
1.2.4.1.Tài khoản sử dụng: .....	16
1.2.4.2.Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp. ....	18
1.2.5.Kế toán hoạt động tài chính.....	19
1.2.5.1.Doanh thu hoạt động tài chính:.....	19
1.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính:.....	20
1.2.6.Kế toán hoạt động khác.....	22
1.2.6.1.Kế toán thu nhập khác:.....	23
1.2.6.2.Kế Toán chi phí khác: .....	24
1.2.7. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	26
1.2.7.1.Tài khoản sử dụng: .....	26
1.2.7.2.Quy định khi hạch toán kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. ....	26
1.2.7.3. Sơ đồ kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	26
1.2.8.Kế toán xác định kết quả kinh doanh. ....	26
1.2.8.1.Tài khoản sử dụng: .....	27
1.2.8.2.Một số quy định khi hạch toán xác định kết quả kinh doanh. ....	28
1.2.8.3.Sơ đồ kế toán xác định kết quả kinh doanh. ....	28
1.3.Các hình thức sổ kế toán sử dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	28
1.3.1.các hình thức sổ kế toán. ....	28
1.3.2.Chứng từ:.....	29
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MIỀN BẮC.....</b>	<b>30</b>
2.1.Khái quát chung về công ty cổ phần thép Miền Bắc. ....	30
2.1.1.Quá trình hình thành và phát triển: .....	30
STT .....	35
Chức năng.....	35
Trình độ công nhân viên .....	35
2.1.2.Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý: .....	36
2.1.3.Cơ cấu bộ máy sản xuất - Các xí nghiệp đơn vị.....	39
2.1.4.Đặc điểm bộ máy kế toán tại công ty: .....	40

2.1.4.1.Tổ chức công tác kế toán – Bộ máy kế toán:.....	40
2.1.4.2.Chính sách, hình thức kế toán áp dụng:.....	43
2.1.4.3.Hệ thống chứng từ kế toán: .....	43
2.1.4.4.Hệ thống tài khoản kế toán:.....	44
2.1.4.5.Hệ thống sổ sách kế toán chủ yếu gồm: .....	44
2.1.4.6.Hệ thống báo cáo kế toán:.....	46
<b>2.2.Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thép Miền Bắc.....</b>	<b>46</b>
2.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: .....	46
2.2.1.1.Xác định doanh thu: .....	46
2.2.1.2.Tổ chức tài khoản, chứng từ và sổ sách sử dụng:.....	47
2.2.1.3.Quy trình hạch toán: .....	47
2.2.2.Kế toán Giá vốn hàng bán.....	55
2.2.3.Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp. ....	63
2.2.4.Kế toán hoạt động tài chính.....	77
2.2.4.1.Kế toán Doanh thu hoạt động tài chính: .....	77
2.2.4.2.Kế toán Chi phí hoạt động tài chính:.....	83
2.2.5.Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	89
2.2.6.Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty. ....	94
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MIỀN BẮC. ....</b>	<b>100</b>
3.1.Nguyên tắc của việc hoàn thiện.....	100
3.2.Đánh giá thực trạng tổ chức công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thép Miền Bắc. ....	100
3.2.1.Đánh giá chung.....	100
3.2.2.Uưu điểm.....	101
3.2.3.Những hạn chế.....	103
3.3.Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thép Miền Bắc. ....	104
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>111</b>